

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN
NĂM 2017

Tháng 6 năm 2018

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

Tên Công ty đại chúng: Công ty cổ phần cấp nước Nghệ An

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Cấp nước Nghệ An
- Tên tiếng Anh: NGHE AN WATER SUPPLY JOINT STOCK COMPANY
- Tên nước ngoài viết tắt: NAWASCO.SJC.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh doanh nghiệp số 2900324240 đăng ký lần đầu ngày 09/06/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 05/01/2017.
- Vốn điều lệ: 373.859.830.000 đồng (Ba trăm bảy ba tỷ, tám trăm năm chín triệu, tám trăm ba mươi nghìn đồng).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 229.005.020.000 đồng (Hai trăm hai chín tỷ, không trăm linh năm triệu, không trăm hai mươi ngàn đồng).
- Địa chỉ: Số 32, đường Phan Đăng Lưu, Phường Trường Thi, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam.
- Số điện thoại: 02383.844.208
- Số fax: 02388.668.118
- Website: <http://www.nawasco.com.vn>
- Mã cổ phiếu: NAW

- Logo Công ty:



Quá trình hình thành

Công ty cổ phần cấp nước Nghệ An tiền thân là Nhà máy nước Vinh được thành lập từ năm 1957. Công ty ban đầu chỉ có một cơ sở sản xuất với công suất nhỏ để cung cấp nước sạch cho khu trung tâm Thành phố Vinh. Ngày 15/03/1995, UBND tỉnh Nghệ An đã có quyết định số 590 UB/QĐ ngày 15/03/1995 về việc đổi tên Nhà máy nước Vinh thành Công ty Cấp nước Nghệ An, đồng thời giao nhiệm vụ mới cho Công ty mở rộng phạm vi hoạt động; tìm kiếm nguồn vốn đầu tư để mở

vụ mới cho Công ty mở rộng phạm vi hoạt động; tìm kiếm nguồn vốn đầu tư để mở rộng và nâng cấp hệ thống cấp nước tại thành phố Vinh và thị trấn các huyện trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Năm 1996, thực hiện chủ trương của UBND tỉnh Nghệ An về việc cấp nước cho thị trấn các huyện miền núi, Dự án cấp nước thị trấn 6 huyện Miền núi bằng nguồn vốn ODA của Chính phủ Hoàng gia Đan Mạch tài trợ. Dự án nhằm mục tiêu cung cấp nước sạch cho thị trấn các huyện gồm Đô Lương, Anh Sơn, Quỳnh Châu, Quỳnh Hợp, Tân Kỳ và Con Cuông với tổng công suất 6.500 m³/ngày đêm.

Năm 2001, Dự án hoàn thành và đưa vào khai thác sử dụng. Theo đó đã hình thành Xí nghiệp cấp nước các Thị trấn Miền núi, nay là Xí nghiệp cấp nước các Đô thị Miền Tây trực thuộc Công ty. Hiện tại, Xí nghiệp Cấp nước các Đô thị miền Tây đang vận hành và quản lý 9 hệ thống cấp nước thuộc vùng miền núi phía Tây tỉnh Nghệ An với tổng công suất hơn 10.000 m³/ngày đêm và tổng số lượng khách hàng dùng hơn 17.000 hộ.

Ngày 20/01/2006, theo Quyết định số 315/QĐ-UBND-ĐMDN của UBND tỉnh Nghệ An, trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu từ Công ty cấp nước Nghệ An sang Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An. Ngày 12/2/2015, Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An ra Quyết định số 5333/ QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH Cấp nước Nghệ An. Qua đó công ty đổi thành Công ty cổ phần cấp nước Nghệ An với số vốn điều lệ 295.622.070.000 đồng, trong đó nhà nước chiếm 51% vốn điều lệ.

Kể từ ngày 05/01/2017, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2900324240 thay đổi lần 4, chính thức hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần với vốn điều lệ đăng ký là 295.622.070.000 đồng.

Ngày 05/06/2017, Công ty được Ủy ban chứng khoán chấp thuận đăng ký công ty đại chúng theo công văn số 3704/UBCK-GSĐC ngày 05/06/2017.

Ngày 26/07/2017, Công ty được Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu theo Quyết định số 557/QĐ-SGDHN.

Quá trình phát triển:

Với tiền thân Nhà máy nước Vinh công suất 1.200 m³/ngày đêm, mỗi năm chỉ cấp được 0,4 triệu m³ nước cung cấp cho các khu dân cư và công sở. Qua các thời kỳ, với sự hỗ trợ của các nước XHCN, nhà máy đã dần dần được mở rộng và nâng công suất. Đến nay, Công ty cổ phần cấp nước Nghệ An đã đảm bảo cung cấp nước sạch để phục vụ nhân dân với phạm vi không chỉ cho thành phố Vinh mà còn cho các thị trấn, các huyện và các vùng phụ cận thành phố, đáp ứng thoả mãn nhu cầu sinh hoạt, dịch vụ và sản xuất công nghiệp của phần lớn đô thị Tinh nhà. Ngoài

nhà máy nước Hưng Vĩnh với công suất 60.000 m³/ngày đêm, Công ty đang quản lý các nhà máy nước ở thị trấn các huyện Kỳ Sơn, Tương Dương, Con Cuông, Anh Sơn, Đô Lương, Tân Kỳ, Quỳnh Châu, Quỳnh Hợp, Thanh Chương, Nam Đàn, Hưng Nguyên với tổng công suất toàn Công ty gần 100.000 m³/ngày đêm.

Hiện tại, Công ty đã hoàn thành Dự án Cấp nước vùng phụ cận thành phố Vinh với công suất 20.000 m³/ngày đêm bằng nguồn vốn ODA của Chính phủ Phần Lan và vốn đối ứng của Tỉnh. Dự án nhằm giải quyết tình trạng thiếu nước sạch trầm trọng tại các vùng phụ cận thành phố Vinh, trong đó có mục tiêu phát triển Khu công nghiệp Nam Cẩm và một phần khu kinh tế Đông Nam Nghệ An cung cấp nước sạch cho các vùng thuộc địa bàn các xã Kim Liên và Nam Giang của huyện Nam Đàn, xã Hưng Tây của huyện Hưng Nguyên, các xã Nghi Kim, Nghi Liên và Hưng Đông của thành phố Vinh, các xã Nghi Long, Nghi Trung, Nghi Thuận, Nghi Vạn, Nghi Trường, Nghi Hoa, Nghi Long, Nghi Thịnh và thị trấn Quán Hành của huyện Nghi Lộc. Đồng thời, Công ty đang triển khai Dự án Cải tạo mạng giảm thất thoát nước bằng nguồn vốn của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) để nâng cấp Hệ thống mạng lưới cấp nước tại thành phố Vinh. Bên cạnh đó, để phát triển và dần dần hoàn thiện đội ngũ cán bộ quản lý và công nhân viên có tay nghề cao.

Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty:

Căn cứ Quyết định số 5333/QĐ-UBND ngày 12/11/2015 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An thành công ty cổ phần, vốn điều lệ Công ty cổ phần Cấp nước Nghệ An là 295.622.076.000 đồng (Hai trăm chín mươi lăm tỷ, sáu trăm hai mươi hai triệu, không trăm bảy mươi sáu nghìn đồng chẵn) trong đó vốn nhà nước tham gia cổ phần là 150.767.260.000 đồng chiếm 51% vốn điều lệ.

Ngày 5/1/2017, Công ty thực hiện thay đổi đăng ký kinh lần 4, đổi tên thành Công ty cổ phần cấp nước Nghệ An với số vốn điều lệ 295.622.076.000 đồng (Hai trăm chín mươi lăm tỷ, sáu trăm hai mươi hai triệu, không trăm bảy mươi sáu nghìn đồng chẵn) trong đó vốn nhà nước tham gia cổ phần là 150.767.260.000 đồng chiếm 51% vốn điều lệ.

Ngày 13/06/2017, UBND tỉnh Nghệ An ra Quyết định số 2536/QĐ-UBND v/v điều chỉnh vốn điều lệ, vốn nhà nước tại thời điểm xác định giá trị Doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần của CTCP Cấp nước Nghệ An. Theo đó, vốn điều lệ của Công ty là 373.859.830.000 đồng, trong đó vốn nhà nước là 229.005.020.000 đồng (chiếm 61,25% vốn điều lệ).

Ngày 05/10/2017, Ủy ban chứng khoán Nhà nước ban hành Công văn số 6625/UBCK-QLCB chấp thuận thay đổi đăng ký Công ty đại chúng về việc điều chỉnh phần vốn nhà nước tại CTCP Cấp nước Nghệ An.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

2.1. Ngành nghề kinh doanh chính:

- Khai thác, xử lý, cung cấp nước sạch và sản xuất kinh doanh nước uống đóng chai;
- Hoạt động tư vấn thiết kế chuyên dụng (công trình cấp thoát nước) và hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Thiết kế, giám sát, thi công, lập dự án đầu tư các công trình cấp, thoát nước và công nghệ nhà máy sản xuất nước;
- Tư vấn, quản lý đấu thầu xây lắp công trình cấp thoát nước và xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Kinh doanh bất động sản, xây dựng nhà các loại;
- Lắp đặt hệ thống điện và hệ thống xây dựng khác...;
- Mua bán vật tư, thiết bị chuyên ngành cấp thoát nước;

2.2. Địa bàn kinh doanh:

Khu vực thành phố Vinh, các vùng phụ cận thành phố Vinh và các huyện ở Miền tây thuộc tỉnh Nghệ An

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Cơ cấu bộ máy quản lý, Bao gồm:

+ Hội đồng quản trị: 01 Chủ tịch HĐQT, 01 Phó Chủ tịch và 03 thành viên HĐQT

+ Ban kiểm soát: 01 Trưởng BKS và 02 thành viên BKS

+ Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc

+ 05 Phòng trực : - Phòng Tổ chức - Hành chính
thuộc

- Phòng Kinh doanh

- Phòng Kế hoạch

- Phòng Kỹ thuật

- Phòng Kế toán

+ 06 Xí nghiệp

: - Xí nghiệp DVCN Tây Bắc Thành phố Vinh

- Xí nghiệp DVCN Đông Nam Thành phố Vinh

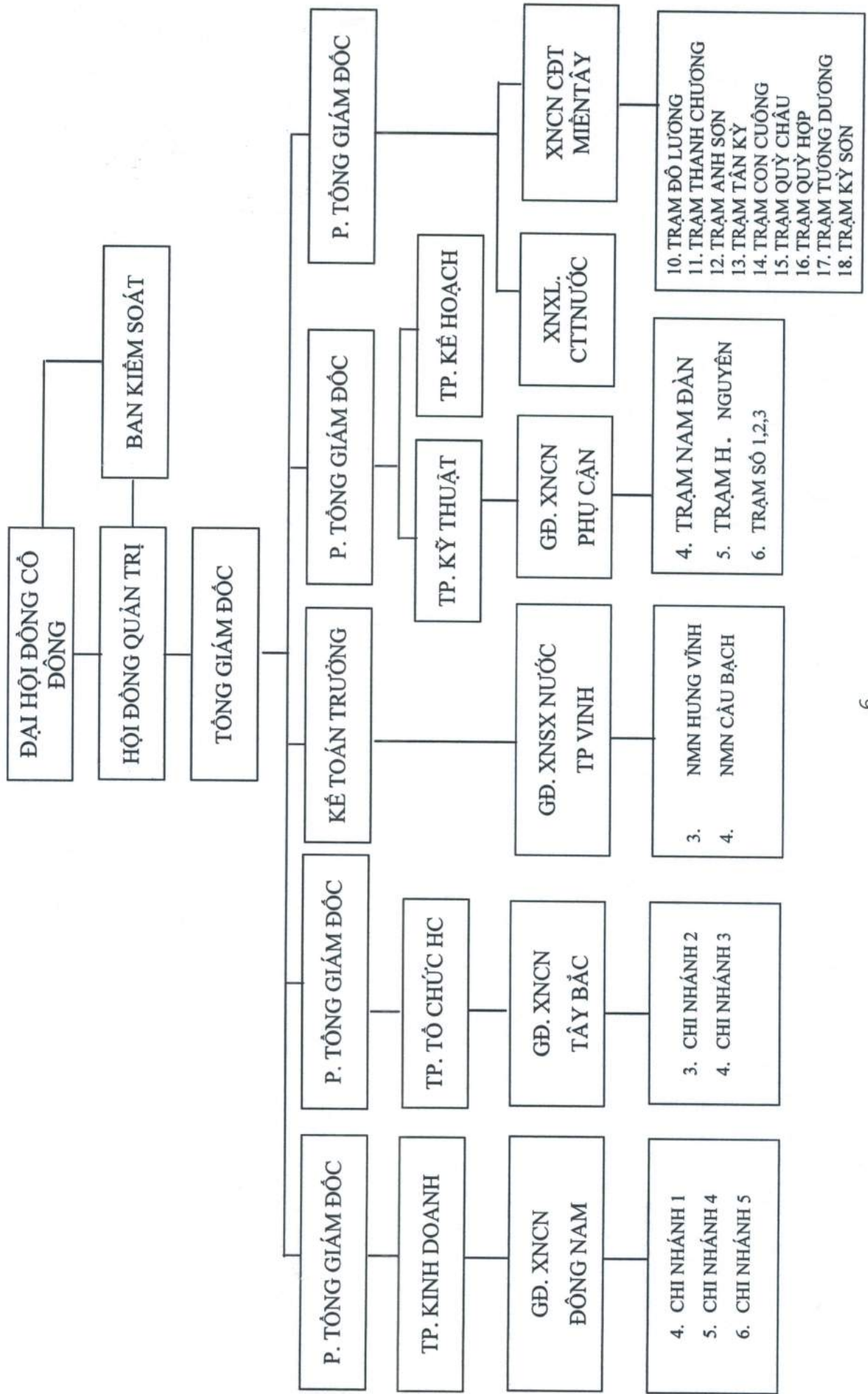
- Xí nghiệp xây lắp chống thất thoát nước

- Xí nghiệp cấp nước vùng phụ cận thành phố Vinh, quản lý 05 trạm trực thuộc (bao gồm: Trạm dịch vụ cấp nước số 1, số 2, số 3; Trạm cấp nước Nam Đàn; Trạm cấp nước Hưng Nguyên)

- Xí nghiệp sản xuất nước thành phố Vinh (bao gồm: Nhà máy nước Hưng Vĩnh; Trạm cấp nước cầu Bạch)

- Xí nghiệp cấp nước các đô thị miền Tây, quản lý 09 trạm cấp nước trực thuộc

- Sơ đồ tổ chức bộ máy:



- Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Định hướng phát triển

4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty năm 2018:

- Xây dựng Công ty cổ phần Cấp nước Nghệ An mạnh hơn, hiệu quả hơn trên cơ sở sử dụng hợp lý các nguồn lực; Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, liên kết cao hơn về tài chính, công nghệ và thị trường;
- Đảm bảo cấp nước an toàn, chất lượng và liên tục cho nhu cầu sinh hoạt, sản xuất và dịch vụ cho các khách hàng sử dụng nước;
- Triển khai đồng bộ, hiệu quả trong công tác chống thất thu, thất thoát, phấn đấu năm 2018 hạ tỷ lệ thất thoát xuống dưới 32%;
- Xây dựng đội ngũ quản lý, kinh doanh giỏi;
- Xây dựng doanh nghiệp thành một đơn vị đi đầu trong lĩnh vực cung cấp các dịch vụ công ích và dân sinh, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống;
- Không ngừng phát triển các hoạt động kinh doanh, dịch vụ của Công ty nhằm tối đa hóa lợi nhuận, đảm bảo lợi ích của Nhà nước, cổ đông và cán bộ công nhân viên
- Cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống của người lao động trong Công ty;
- Đóng góp cho ngân sách Nhà nước và xã hội.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Xây dựng và phát triển nguồn nhân lực theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, ứng dụng khoa học, công nghệ trong quản lý, điều hành và mở rộng mạng lưới cấp nước;
- Thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp nhằm đảm bảo cung cấp nước sạch an toàn, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng;
- Tìm kiếm nguồn vốn mở rộng, nâng cấp hệ thống cấp nước, bảo toàn, sử dụng có hiệu quả và phát triển nguồn vốn của Công ty;
- Thực hiện dịch vụ cấp nước khu vực thành phố Vinh và vùng phụ cận ổn định liên tục 24/24 giờ. Các khu vực còn lại dịch vụ cấp nước từ 16-24h/ngày;
- Thực hiện việc xử lý chất lượng nước đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống QCVN 01:2009/BYT ban hành kèm theo Thông tư số 04/2009/TT-BYT ngày 17/6/2009 của Bộ Y tế;

4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững đối với môi trường, xã hội và cộng đồng:

- Thực hiện tốt công tác giảm thất thoát nước góp phần bảo vệ tài nguyên nước;
- Nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, đáp ứng nhu cầu nước sạch của các hộ khách hàng và chấp hành nghiêm các quy định pháp luật trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Hoàn thành tốt nghĩa vụ nộp thuế đối với Nhà nước.

5. Các rủi ro:

5.1. Rủi ro về kinh tế:

- Giá nước thô mua với giá cao, giá nước sạch bán theo quy định chưa được điều chỉnh, trong khi đó giá các loại vật tư và dịch vụ thay đổi tăng theo giá thị trường

làm tăng chi phí và giảm lợi nhuận;

- Hệ thống mạng đường ống cấp nước và đồng hồ đầu nối đầu tư theo nhiều thời kỳ khác nhau, hiện nay đã xuống cấp nghiêm trọng, dẫn đến chất lượng nước sạch đến người sử dụng không đảm bảo và tỷ lệ thất thoát cao;
- Giá cả nguyên vật liệu đầu vào tăng cao, chi phí trả cho nguồn nước thô và chi phí cho công tác đầu nối phát triển khách hàng, thay thế đồng hồ miễn phí rất lớn, là một trong những khó khăn lớn cho hoạt động của Công ty;
- Khách hàng lắp mới chưa có thói quen sử dụng nước máy nên sản lượng tiêu thụ tăng không tương ứng với số lượng đồng hồ gắn mới; số lượng đồng hồ có khối lượng tiêu thụ từ (0 - 3)m³ chiếm tỷ lệ cao ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư kinh doanh;
- Hệ thống đường ống cấp nước của Công ty phần lớn đầu tư đã lâu năm, nay đã xuống cấp, hư hỏng nhiều là một trong những nguyên nhân gây ra tình trạng thất thoát nước; Việc đầu tư nâng cấp đòi hỏi chi phí lớn trong khi đó nguồn vốn tự có của Công ty không có; Dự án giám thất thoát vay vốn ADB không hiệu quả trong khi phần hỗ trợ từ ngân sách địa phương không có;
- Tỷ lệ nước cung cấp cho công nghiệp dịch vụ chiếm tỷ trọng ít nên lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh thấp.

5.2. Rủi ro về đặc thù:

- Đối với Công ty cấp nước, rủi ro đặc thù phổ biến là rủi ro thất thoát nước trong quản lý và kinh doanh nước. Nước rò rỉ được phân theo 2 loại:
 - Hữu hình là thất thoát dễ thấy như nước rò rỉ, chảy tràn lên mặt đất;
 - Vô hình là nước chảy ngầm dưới lòng đất, chảy vào hệ thống cống thoát nước ...

5.3. Rủi ro khác:

- Công ty gặp rủi ro và chịu ảnh hưởng của thời tiết như: Mưa bão, lũ lụt nhiều làm cho chất lượng nước thô kém; Nguồn điện cung cấp cho sản xuất không liên tục dẫn đến ảnh hưởng đến sản xuất; làm tăng chi phí sản xuất nước;
- Ý thức về quản lý bảo vệ nguồn nước, hệ thống cấp nước của người dân còn nhiều hạn chế;

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2017:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	So sánh (%)
1	Khối lượng nước thô để sản xuất	m ³	35.317.100	34.240.681	96,95
2	Sản lượng nước tiêu thụ	m ³	23.855.000	22.989.969	96,37

3	Tỷ lệ thất thoát	%	32,455	32,86	
4	Khách hàng lắp đặt mới tăng thêm	Hộ	5.250	5.809	111
5	Tổng doanh thu:	Đồng	196.255.631.000	191.245.930.446	97,4
	+ Doanh thu từ cấp nước	Đồng	195.255.631.000	186.950.622.412	
	+ Doanh thu từ hoạt động khác	Đồng	1.000.000.000	4.295.308.034	
6	Tổng chi phí	Đồng	194.824.103.996	191.865.435.571	
7	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	1.431.527.004	-619.505.125	
8	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	1.145.221.603	-619.505.125	
9	Chi trả cổ tức	Đồng	801.655.122	0	

- Đánh giá tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Năm 2017, Công ty Cổ phần Cấp nước Nghệ An không đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra do những nguyên nhân chính:

+ Nước thô mua vào với giá cao, giá nước sạch bán theo quy định không được điều chỉnh trong khi đó giá các loại vật tư đầu vào và dịch vụ thay đổi tăng theo giá thị trường làm tăng chi phí và giảm lợi nhuận;

+ Hệ thống cấp nước của Công ty phần lớn đầu tư lâu năm nay đã xuống cấp, hư hỏng nhiều là một trong những nguyên nhân gây ra tình trạng thất thoát nước; Việc đầu tư nâng cấp đòi hỏi chi phí lớn trong khi đó nguồn vốn tự có của Công ty không có; Dự án giám thất thoát vay vốn ADB không hiệu quả trong khi phần hỗ trợ từ ngân sách địa phương không có;

+ Một số hạng mục mới đưa vào khấu hao trong năm 2017;

+ Thực hiện Nghị định 122/NĐ-CP về việc áp dụng lương tối thiểu vùng đóng BHXH, BHYT, BHTN. Người sử dụng lao động phải đóng thêm khoản chênh lệch này của các năm 2016 là 322.076.612 đồng, năm 2017 là 428.937.509 đồng. Tổng 2 năm 2016 và 2017 là 751.014.121 đồng;

+ Từ tháng 12 năm 2016 giá điện sử dụng cho sản xuất tăng 6,08%;

+ Một số chi phí khác mang tính truyền thống chưa cắt bỏ được;

+ Năm 2017 là năm chịu ảnh hưởng nặng nề của thiên tai, bão lụt nên tăng chi phí xử lý nước; mất điện nhiều và kéo dài làm giảm sản lượng.

- Thu nhập bình quân năm 2016: 6.574.258 đồng;

- Thu nhập bình quân kế hoạch năm 2017: 6.200.000 đồng;

- Thu nhập bình quân năm 2017: 6.314.012 đồng;

- Thu nhập bình quân kế hoạch năm 2018: 6.300.000 đồng;

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành: Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác, bao gồm:

STT	Họ tên	Chức vụ
1	Hoàng Văn Hải	Tổng Giám đốc
2	Nguyễn Văn Hà	Phó Tổng Giám đốc
3	Nguyễn Quang Duyên	Phó Tổng Giám đốc
4	Nguyễn Xuân Long	Phó Tổng Giám đốc
5	Nguyễn Duy Trường	Phó Tổng Giám đốc
6	Đặng Thị Vân Nam	Kế toán trưởng

2.1.1. Tổng Giám đốc Công ty: Ông HOÀNG VĂN HẢI

Họ và tên: **HOÀNG VĂN HẢI**
Giới tính: **NAM**
Sinh ngày: **02/01/1961**
Nơi sinh: **Xã Bắc Sơn - Huyện Đô Lương - Tỉnh Nghệ An**
Quê quán: **Xã Bắc Sơn - Huyện Đô Lương - Tỉnh Nghệ An**
Quốc tịch: **Việt Nam**
Hộ khẩu thường trú: **Khối 10, Phường Trường Thi, Thành phố Vinh, Nghệ An**
Số CMND: **186527152** Ngày cấp: **26/02/2006** Nơi cấp: **Công an N.An**
Điện thoại liên hệ: **0912591392**
Trình độ văn hoá: **10/10**
Trình độ chuyên môn: **Đại học (Kỹ sư chế tạo máy)**
Chức vụ hiện nay: **Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty**
Quá trình công tác:

Từ tháng/năm đến tháng/năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1961 đến 1967		Còn nhỏ
Từ 1967 đến 1978		Học sinh
Từ 1978 đến 1984	Trường ĐH Bách khoa Hà Nội	Sinh viên
Từ 1/1985 đến 8/1997	Xí nghiệp liên hợp thiếc Nghệ Tĩnh	Cán bộ kỹ thuật
Từ 8/1998 đến 2/1999	Xí nghiệp xây lắp - Công ty Cấp nước Nghệ An	Cán bộ kỹ thuật
Từ 3/1999 đến 9/2001	Phòng Kế hoạch kỹ thuật - Công ty Cấp nước Nghệ An	Cán bộ kỹ thuật

Từ 10/2001 đến 12/2002	Nhà máy nước Con Cuông - Công ty Cấp nước Nghệ An	Trạm trưởng
Từ 01/2003 đến 10/2004	Trạm cấp nước Đô Lương – Xí nghiệp cấp nước các thị trấn miền núi - Công ty Cấp nước Nghệ An	Trạm trưởng
Từ 11/2004 đến 12/2005	Xí nghiệp cấp nước miền núi – Công ty Cấp nước Nghệ An	Phó Giám đốc XN
Từ 01/2006 đến 07/2006	Xí nghiệp cấp nước miền núi – Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An	Phó Giám đốc XN
Từ 08/2006 đến 02/2012	Xí nghiệp cấp nước các thị trấn miền núi - Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An	Giám đốc XN
Từ 3/2012 đến 4/1/2017	Phó Giám đốc Công ty kiêm Giám đốc Xí nghiệp cấp nước các thị trấn miền núi – Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An	Phó Giám đốc Công ty kiêm Giám đốc Xí nghiệp
Từ 5/1/2017 đến Nay	Công ty cổ phần Cấp nước Nghệ An	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

- Tổng số lượng cổ phần có quyền biểu quyết: 11.685.056 cổ phần
+ Số lượng cổ phần do Nhà nước ủy quyền: 11.679.256 cổ phần
+ Cổ phần cá nhân nắm giữ: 5.800 cổ phần

2.1.2. Phó Tổng Giám đốc: NGUYỄN QUANG DUYÊN

Họ và tên: NGUYỄN QUANG DUYÊN
Giới tính: NAM
Sinh ngày: 13/01/1966
Nơi sinh: Xã Kim Liên – Huyện Nam Đàn – tỉnh Nghệ An
Quê quán: Xã Kim Liên – Huyện Nam Đàn – tỉnh Nghệ An
Quốc tịch: Việt Nam
Hộ khẩu thường trú: Khối 14 – P. Trường Thi – TP. Vinh – tỉnh Nghệ An
Số CMND: 181943488 Ngày cấp: 04/01/2016 Nơi cấp: Công an NA
Điện thoại liên hệ: 0988973689
Trình độ văn hoá: 10/10
Trình độ chuyên môn: Đại học (Cử nhân Luật kinh tế, Cử nhân kinh tế)
Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh (Bằng C)
Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty
Quá trình công tác:

Từ tháng/năm đến tháng/năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1972 đến 1983	Trường Kim Liên – Nam Đàn – Nghệ An	Học sinh Cấp I, II, III
Từ 1984 đến 1985	Kim Liên – Nam Đàn – Nghệ An	Lao động sản xuất
Từ 1985 đến 1986	Học Trường Cơ yếu quân chủng Không quân – Hà Đông	
Từ 1986 đến 1988	Phòng tham mưu, Trường Không quân Nha Trang – Khánh Hoà	Nhân viên Cơ yếu
Từ 1988 đến 1990	Trung đoàn 940 – Phù Cát, Bình Định – Bí thư Chi đoàn Tham mưu	Nhân viên Cơ yếu
Từ 1990 đến 1995	Đại học Luật Hà Nội - Lớp trưởng lớp Kinh tế K15B	Sinh viên
Từ 1996 đến 2001	Sở Xây dựng Nghệ An, Ủy viên Ban chấp hành Chi đoàn Văn phòng Sở.	Cán bộ Thanh tra
Từ 2002 đến 2004	Phòng TCHC - Thanh tra, Công ty cấp nước Nghệ An	Phó Phòng TC-HC, Bí thư Chi bộ
Từ 8/2004 đến 12/2005	Phòng TCHC – Thanh tra, Công ty cấp nước Nghệ An	Trưởng phòng TCHC-Đảng ủy viên, Bí thư Chi bộ
Từ 01/2006 đến 6/2006	Phòng TCHC – Thanh tra, Công ty TNHH 1TV Cấp nước Nghệ An	Trưởng phòng TCHC-Đảng ủy viên, Bí thư Chi bộ
Từ 7/2006 đến 4/2012	Công ty TNHH 1TV Cấp nước Nghệ An	Đảng ủy viên, UVBan Thường vụ, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra đảng ủy; Bí thư Chi bộ phòng TCHC - Thanh tra; Trưởng phòng TCHC; Phó Giám đốc công ty (Nhiệm kỳ 2006-2011); Ủy viên Ban chấp hành Công đoàn Công ty TNHH 1TV Cấp nước Nghệ An

Từ 5/2012 đến 3/2015	Công ty TNHH 1TV Cấp nước Nghệ An (Nhiệm kỳ 2012-2017)	Đảng uỷ viên, UV Ban Thường vụ đảng uỷ, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra đảng uỷ; Phó Giám đốc
Từ 4/2015 đến 14/10/2016	Công ty TNHH 1TV Cấp nước Nghệ An.	Đảng uỷ viên, UV Ban Thường vụ đảng uỷ, Phó Bí thư Đảng uỷ công ty (nhiệm kỳ 2015 – 2020); Phó Giám đốc
Từ 10/2016 đến 4/1/2017	Công ty TNHH 1TV Cấp nước Nghệ An.	Đảng uỷ viên, UV Ban Thường vụ đảng uỷ, Phó Bí thư Đảng uỷ công ty (nhiệm kỳ 2015 – 2020); Phó Giám đốc phụ trách điều hành
Từ 5/1/2017 đến Nay	Công ty cổ phần Cấp nước Nghệ An	Đảng uỷ viên, UV Ban Thường vụ đảng uỷ, Phó Bí thư Đảng uỷ công ty (nhiệm kỳ 2015 – 2020); Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

- Tổng số lượng cổ phần có quyền biểu quyết: 5.732.026 cổ phần
+ Số lượng cổ phần do Nhà nước ủy quyền: 5.725.126 cổ phần
+ Cổ phần cá nhân nắm giữ: 6.900 cổ phần

2.1.3. Phó Tổng Giám đốc: NGUYỄN VĂN HÀ

Họ và tên: NGUYỄN VĂN HÀ
Giới tính: NAM
Sinh ngày: 26/2/1978
Nơi sinh: Xã Tràng Sơn - Huyện Đô Lương - Tỉnh Nghệ An
Quê quán: Xã Tràng Sơn - Huyện Đô Lương - Tỉnh Nghệ An
Quốc tịch: Việt Nam
Hộ khẩu thường trú: Số 49 – Đường Nguyễn Quốc Trị - Phường Hưng Phúc - Thành phố Vinh - Tỉnh Nghệ An
Số CMND: 182167645 Ngày cấp: 02/12/2011 Nơi cấp: Công an NA
Điện thoại liên hệ: 0914447545
Trình độ văn hoá: 12/12
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kỹ thuật cơ sở hạ tầng / Kỹ sư xây dựng chuyên ngành Cấp thoát nước - Đại học Xây dựng

Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh (Bằng C)
 Chức vụ hiện nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng Kế hoạch
 Quá trình công tác:

Từ tháng/năm đến tháng/năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1984 đến 1989		Học sinh tiểu học Tràng Sơn - Đô Lương
Từ 1989 đến 1993		Học sinh THCS Tràng Sơn - Đô Lương
Từ 1993 đến 1996		Học sinh trường THPT Đô Lương I
Từ 1996 đến 2001	Trường ĐH Xây dựng Hà Nội	Sinh viên
Từ năm 01/2003 đến 6/2006	Chi nhánh công ty Nước và môi trường Việt Nam tại thành phố Đà Nẵng / Làm việc cho dự án World bank tại Đà Nẵng	Kỹ sư khảo sát thiết kế, giám sát kỹ thuật công trình cấp thoát nước và môi trường
Từ 7/2006 - 9/2013	Ban Quản lý dự án Công ty TNHH MTV cấp nước Nghệ An	
Từ 09/2013 đến 03/2016	Ban quản lý Dự án cải tạo mạng giảm thất thoát nước Thành phố Vinh	Phó Giám đốc BQLDA
Từ 4/2016 – 4/1/2017	Công ty TNHH MTV cấp nước Nghệ An.	Phó phòng Kế hoạch kỹ thuật
Từ 5/1/2017 đến 31/1/2017	Công ty cổ phần Cấp nước Nghệ An	Phó phòng Kế hoạch kỹ thuật
Từ 01/2/2017 đến 28/2/2017	Công ty cổ phần cấp nước Nghệ An.	Phó Tổng Giám đốc
Từ 1/3/2017 đến Nay	Công ty cổ phần cấp nước Nghệ An.	Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng Kế hoạch

- Tổng số lượng cổ phần có quyền biểu quyết: 5.900 cổ phần
 + Số lượng cổ phần do Nhà nước ủy quyền: Không
 + Cổ phần cá nhân nắm giữ: 5.900 cổ phần

2.1.4. Phó Tổng Giám đốc: NGUYỄN XUÂN LONG

Họ và tên: NGUYỄN XUÂN LONG
Giới tính: NAM
Sinh ngày: 28/06/1969
Nơi sinh: Xã Nam Cát - Huyện Nam Đàn - Tỉnh Nghệ An
Quê quán: Xã Nam Cát - Huyện Nam Đàn - Tỉnh Nghệ An
Quốc tịch: Việt Nam
Hộ khẩu thường trú: Khôi 14 – P.Trường Thi – TP. Vinh - Tỉnh Nghệ An
Số CMND: 181775151 Ngày cấp: 28/5/2013 Nơi cấp: Công an N.An
Điện thoại liên hệ: 0915715069
Trình độ văn hoá: 10/10
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng
Chức vụ hiện nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc xí nghiệp xây lắp chống thất thoát nước
Quá trình công tác:

Từ tháng/năm đến tháng/năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1969 đến 1987		Còn nhỏ, học cấp 1,2,3 và ở với bố mẹ
Từ 1987 đến 10/1988		Học hết cấp 3, ở nhà với bố mẹ
Từ 11/1988 đến 4/1989	Nhà máy cơ khí xây dựng Nghệ An	Công nhân
Từ 5/1989 – 1991	Bungari	Hợp tác Xuất khẩu lao động
Từ 1991 – 1993	Trường Công nhân kỹ thuật Việt Đức.	Được cử đi học
Từ 1993 -1999	Công tác tại Nhà máy nước Vinh	
Từ 1999 – 2002	Xí nghiệp xây lắp nước	Cán bộ kỹ thuật
Từ 2002 đến 12/2005	Phòng Kế hoạch kỹ thuật - Công ty Cấp nước Nghệ An	Cán bộ kỹ thuật
Từ 01/2006 đến 04/2010	Phòng Kế hoạch kỹ thuật - Công ty TNHH MTV cấp nước Nghệ An	Cán bộ kỹ thuật
Từ 5/2010 đến 6/2013	Xí nghiệp xây lắp nước - Công ty TNHH MTV cấp nước Nghệ An	Phó Giám đốc XN
Từ 1/7/2013 đến	Xí nghiệp xây lắp nước -	Giám đốc XN

04/1/2017	Công ty TNHH MTV cấp nước Nghệ An	
Từ 5/1/2017 đến 31/1/2017	Xí nghiệp xây lắp nước - Công ty cổ phần Cấp nước Nghệ An	Giám đốc XN
Từ 01/02/2017 đến 28/2/2017	Công ty cổ phần cấp nước Nghệ An	Phó Tổng Giám đốc
Từ 01/03/2017 đến Nay	Công ty cổ phần cấp nước Nghệ An	Phó Tổng Giám đốc Công ty Kiểm Giám đốc xí nghiệp xây lắp chống thất thoát nước

- Tổng số lượng cổ phần có quyền biểu quyết: 5.100 cổ phần
- + Số lượng cổ phần do Nhà nước ủy quyền: không
- + Cổ phần cá nhân nắm giữ: 5.100 cổ phần

2.1.5. Phó Tổng Giám đốc: NGUYỄN DUY TRƯỜNG

Họ và tên: NGUYỄN DUY TRƯỜNG
Giới tính: NAM
Sinh ngày: 09/11/1976
Nơi sinh: Khu phố 5 - Thành phố Vinh - Tỉnh Nghệ An
Quê quán: Khu phố 5 - Thành phố Vinh - Tỉnh Nghệ An
Quốc tịch: Việt Nam
Hộ khẩu thường trú: Khối 11 - Phường Đội Cung - Thành phố Vinh - Tỉnh Nghệ An
Số CMND: 182108176 Ngày cấp : 12/5/1994 Nơi cấp: CA tỉnh N.An
Điện thoại liên hệ: 0982.454.199
Trình độ văn hoá: 12/12
Trình độ chuyên môn: Đại học Kinh tế quốc dân chuyên ngành Marketing
Trình độ ngoại ngữ: Tiếng anh (bằng C)
Chức vụ hiện nay: Phó Tổng Giám đốc công ty
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Trưởng phòng Thị trường Công ty cổ phần mía đường Sông Con
Quá trình công tác:

Từ tháng/năm đến tháng/năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1981 đến 1986	THCS Đội Cung	Học sinh
Từ 1987 đến 1990	THCS Đội Cung	Học sinh
Từ 1991 đến 1994	Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng	Học sinh
Từ 1994 đến 1998	Trường Đại Học KTQD HN	Sinh viên

Từ 12/2000 –6/2002	Công ty hợp tác kinh tế Quân khu 4	Nhân viên thị trường
Từ 7/2002 – 30/10/2006	Công ty hợp tác kinh tế Quân khu 4	Trợ lý thị trường
Từ 01/01/2006 đến 30/11/2007	Công ty cổ phần mía đường Sông Con	Cán bộ thị trường
Từ 12/2007 đến 31/01/2017	Công ty cổ phần mía đường Sông Con	Trưởng phòng Thị trường
Từ 01/02/2017 đến nay	Trưởng phòng Thị trường Công ty cổ phần mía đường Sông Con kiêm Phó Tổng Giám đốc công ty cổ phần cấp nước Nghệ An	Phó Tổng Giám đốc

- Tổng số lượng cổ phần có quyền biểu quyết: Không
- + Số lượng cổ phần do Nhà nước ủy quyền: Không
- + Cổ phần cá nhân nắm giữ: Không

2.1.6. Kế toán trưởng: ĐẶNG THỊ VÂN NAM

Họ và tên: ĐẶNG THỊ VÂN NAM
Giới tính: NỮ
Sinh ngày: 03/07/1977
Nơi sinh: Xã Diễn Phú – Huyện Diễn Châu – Tỉnh Nghệ An
Quê quán: Xã Diễn Phú – Huyện Diễn Châu – Tỉnh Nghệ An
Quốc tịch: Việt Nam
Hộ khẩu thường trú: Khối Yên Vinh- P.Hung Phúc – TP.Vinh - Tỉnh Nghệ An
Số CMND: 182141440 Ngày cấp: 12/9/2012 Nơi cấp: Công an N.An
Điện thoại liên hệ: 0915229373
Trình độ văn hoá: 12/12
Trình độ chuyên môn: Đại học (Cử nhân kinh tế)
Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng Công ty

Quá trình công tác:

Từ tháng/năm đến tháng/năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1977 đến 1983		Còn nhỏ
Từ 1983 đến 1995		Học sinh
Từ 10/1995 đến 7/1997	Trường Trung cấp kinh tế Nghệ An	Sinh viên
Từ 10/1997 đến 2000	Công ty Cấp nước Nghệ An	Phó bí thư Đoàn thanh niên – Nhân viên kế toán
Từ 2000 đến 2005	Công ty Cấp nước Nghệ An	Đảng ủy viên – Phó bí

		thư đoàn thanh niên - Nhân viên kế toán
Từ 2006 đến 2011	Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An	Đảng uỷ viên - Phó bí thư đoàn thanh niên - Nhân viên kế toán
Từ 10/2012 đến 6/2013	Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An	Bí thư chi bộ Tài vụ - Nhân viên kế toán
Từ 7/2013 đến 11/2013	Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An	Bí thư chi bộ Tài vụ - Kinh doanh – Phó phòng tài vụ
Từ 12/2013 đến 04/01/2017	Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An	Bí thư chi bộ Tài vụ – Phụ trách kế toán
Từ 05/01/2017 đến Nay	Công ty cổ phần Cấp nước Nghệ An	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Kế toán trưởng

- Tổng số lượng cổ phần có quyền biểu quyết: 5.502.920 cổ phần
- + Số lượng cổ phần do Nhà nước ủy quyền: 5.496.120 cổ phần
- + Cổ phần cá nhân nắm giữ: 6.800 cổ phần

2.2. Những thay đổi trong ban điều hành:

Trong năm 2017, Ban điều hành không có thay đổi về nhân sự.

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên:

- Tổng số lao động đến tại thời điểm 31/12/2017 là 627 người. Trong đó lao động có tên trong danh sách lao động thường xuyên làm việc tại Công ty cổ phần cấp nước Nghệ An là 607 người;

- Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp: Người lao động trong Công ty được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của pháp luật nhà nước hiện hành, lương và các khoản thu nhập ổn định.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: Trong năm 2017 Công ty không có khoản đầu tư lớn.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Công ty không có các công ty con, công ty liên kết.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Tổng giá trị tài sản	1.000đ	796.371.211	790.429.528	99.25
Doanh thu thuần	1.000đ	184.062.275	189.827.881	103.13
Lợi nhuận từ hoạt động	1.000đ	2.775.251	(745.771)	(26.87)

kinh doanh				
Lợi nhuận khác	1.000đ	(35.487)	126.266	355.8
Lợi nhuận trước thuế	1.000đ	2.739.764	(619.505)	(22,61)
Lợi nhuận sau thuế	1.000đ	2.112.709	(619.505)	(29,32)

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	1,22	1,04	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> /Nợ ngắn hạn	Lần	0,98	0,87	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,531	0,528	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,13	1,12	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/HTK BQ	Lần	7,14	8,13	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,23	0,24	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	Lần	0,011	(0,003)	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,006	(0,002)	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	Lần	0,003	(0,001)	
+ Hệ số Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	Lần	0,015	(0,004)	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

5.1. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần của Công ty cổ phần Cấp nước Nghệ An: 37.385.983 cổ phần.
- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 37.385.983 cổ phần.

- Loại cổ phần đang lưu hành: cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: không có

5.2. Cơ cấu cổ đông:

+ Cơ cấu cổ đông tính đến 31/03/2018

STT	Họ và tên	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
I	Cổ đông trong nước	679	37.385.983	100%
	Tổ chức	03	34.265.942	91,65
	Cá nhân	676	3.120.041	8,35
II	Cổ đông nước ngoài	0	0	0
	Tổ chức	0	0	0
	Cá nhân	0	0	0
III	Cổ phiếu quỹ	0	0	0
Tổng cộng		679	37.385.983	100%

+ Cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 31/3/2018

T	Cổ đông	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKDN	Địa chỉ	CP phổ thông	Tỷ lệ sở hữu %
1	UBND tỉnh Nghệ An		3 Trường Thi, Tp. Vinh, Nghệ An	22.900.502	61,25
2	Công ty cổ phần Mía đường Sông Con	2900324917	Khối 5 - TT Tân Kỳ - Huyện Tân Kỳ - Nghệ An	11.335.440	30,32
Tổng cộng				34.235.942	91,57

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Tại thời điểm thực hiện cổ phần hóa thì vốn nhà nước tại Công ty là 295.622.070.000 đồng. Khi Đại hội đồng cổ đông phê duyệt nội dung Điều lệ Công ty vào ngày 30/12/2016, vốn điều lệ Công ty được ghi 295.622.070.000 đồng. Sau khi Nhà máy nước Cầu Bạch được quyết toán thì vốn Nhà nước tại Công ty tăng thêm 78.237.760.000 đồng. Số tiền này được bổ sung vào vốn điều lệ Công ty, tăng phần vốn sở hữu của Nhà Nước. Ngày 13/6/2017 UBND tỉnh có Quyết định số 2536/QĐ-UBND về việc điều chỉnh vốn điều lệ Công ty cổ phần cấp nước Nghệ An tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển sang Công ty cổ phần lên 373.859.830.000 đồng.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

- Trong năm 2017 Công ty không có sự mua bán, giao dịch về cổ phiếu quỹ.

5.5. Các chứng khoán khác:

- Trong năm 2017 Công ty chưa phát hành chứng khoán khác.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của Công ty trong năm 2017 là:

STT	Nguyên vật liệu	Đơn vị	Tổng cộng	
			Khối lượng	Thành tiền (đồng)
1	Phèn nhôm	kg	544.132	2.152.808.738
2	Phèn PAC	kg	98.425	1.115.611.973
3	Clo	kg	28.328	574.219.381
4	Javen	kg	19.150	205.506.520
5	Vôi	kg	2.620	8.727.000
	Tổng		692.655	4.055.873.612

b) Tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của Công ty trong năm 2017: Không có

Năm 2017 sử dụng lại nguồn nước sau súc xả hệ thống tại Nhà máy nước Hưng Vĩnh và Nhà máy nước Cầu Bạch với tỷ lệ khoảng 3% lượng nước thô.

6.2. Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Năng lượng sử dụng là điện

STT	Đối tượng tiêu thụ năng lượng điện	Đơn vị	Tổng cộng	
			Tổng cộng	Thành tiền (đồng)
1	Khu vực khối văn phòng	Kw	95.103	262.540.782
2	Khu vực khối sản xuất, dịch vụ	Kw	5.332.018	9.635.416.160
3	Các Trạm bơm tăng áp	Kw	75.583	118.990.258
	Tổng		5.502.704	10.016.947.200

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Chưa có;

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Chưa có.

6.3. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

STT	Đối tượng nước tiêu thụ	Đơn vị	Tổng cộng		Ghi chú
			Khối lượng	Thành tiền (đồng)	
1	Nước thô mua qua đơn vị cung cấp trực tiếp đến khu xử lý (Nhà máy nước Cầu Bạch & Hưng Vĩnh)	m ³	28.388.719	60.893.804.400	
2	Nước thô khai thác tại Sông, công trình thủy lợi.	m ³	5.851.962	959.751.100	(Trong đó có 1.454.170m ³ mua từ các Công ty thủy lợi)
Tổng			34.240.681	61.853.555.500	

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Năm 2017 chưa có.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- Số lượng lao động năm 2017: 627 người

- Tổng thu nhập bình quân: 6.314.000 đồng/người/tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Trong những năm qua Công ty luôn quan tâm đến các chính sách, chế độ cho người lao động được thể hiện trong Nội quy lao động, Quy chế hoạt động SXKD, Thỏa ước lao động tập thể ..., cụ thể như: Khám sức khỏe định kỳ, trang cấp bảo hộ lao động, chế độ ăn giữa ca cho người lao động. Thực hiện đầy đủ các chế độ ốm đau, thai sản, nghỉ dưỡng sức, chế độ nghỉ ngày Lễ, tết, nghỉ phép theo quy định của pháp luật. Tổ chức tặng quà cho người lao động nhân dịp lễ tết, tặng quà chúc thọ tuổi chẵn cho bố mẹ đẻ và bố mẹ (vợ, chồng) người lao động, tặng quà cho con của CBCNV đạt thành tích cao trong học tập, nhân dịp Tết thiếu nhi ...; trợ cấp cho người lao động gặp hoàn cảnh khó khăn đột xuất trong cuộc sống.

- Công ty đã xây dựng phương án chuyển xếp lương, thang bảng lương và phụ cấp lương theo Nghị định 49/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ, đồng thời xây dựng chính sách lương phù hợp với từng vị trí công việc, làm việc gì hưởng lương theo công việc đó được quy định trong Quy định khoán trả lương.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

Công ty luôn chú trọng đến công tác phát triển nguồn nhân lực, khuyến khích cán bộ CNV học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Cử cán bộ tham gia các lớp đào tạo, tập huấn về chuyên ngành kế toán, kỹ thuật, về công tác an toàn lao

động PCCN, bồi dưỡng nghiệp vụ kỹ năng giao tiếp với khách hàng, huấn luyện dân quan tự vệ an ninh quốc phòng ...

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty luôn tích cực tham gia các hoạt động an sinh xã hội, ủng hộ quỹ hỗ trợ người nghèo, trẻ em khuyết tật, các phong trào đền ơn đáp nghĩa, ủng hộ đồng bào lụt bão và các đợt kêu gọi quyên góp ủng hộ của địa phương.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017:

1.1. Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch:

a. Chỉ tiêu lượng nước thô để sản xuất, nước tiêu thụ và tỷ lệ thất thoát.

- Nước thô để sản xuất: **34.240.681 m³**;
- Nước tiêu thụ: **22.989.969 m³**;
- Tỷ lệ thất thoát toàn Công ty năm 2017: **32,86 %**.

b. Chất lượng nước sạch, thời gian cung cấp nước sạch

- *Chất lượng nước sạch*

Chất lượng nước sau xử lý đảm bảo đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống QCVN 01:2009/BYT ban hành kèm theo Thông tư số 04/2009/TT-BYT ngày 17/6/2009 của Bộ Y tế.

- *Dịch vụ cấp nước*

- Khu vực thành phố Vinh, Xí nghiệp Cấp nước vùng phụ cận Tp.Vinh dịch vụ cấp nước ổn định liên tục 24/24 giờ.

- Các khu vực còn lại dịch vụ cấp nước từ 18-24h/ngày.

c. Hiện trạng khách hàng sử dụng nước, kế hoạch phát triển khách hàng mới, kế hoạch cải tạo, thay thế đồng hồ 2017

- Tổng khách hàng sử dụng nước (tính đến 31/12/2017) là: **111.396** hộ;
- Số lượng phát triển khách hàng trong năm 2017 là: **5.809** hộ;
- Số lượng cải tạo khách hàng trong năm 2017: **1.686** hộ.
- Số lượng thay thế đồng hồ trong năm 2017 là: **3.587** hộ.

d. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017:

Tổng doanh thu:	191.245.930.446 đồng
+ Doanh thu từ cấp nước:	186.950.622.412 đồng
+ Doanh thu từ hoạt động khác:	4.295.308.034 đồng
- Tổng chi phí:	191.865.435.571 đồng
- Lợi nhuận trước thuế:	(619.505.125) đồng

e. Hoạt động sản xuất cấp nước, ghi thu sản phẩm

- Tăng cường công tác kiểm tra chất lượng nước nguồn, nước sau xử lý tại nhà máy và nước sau xử lý tại các hộ dân, trên cơ sở đó để có giải pháp xử lý phù hợp nhằm

nâng cao chất lượng nước, đảm bảo đạt tiêu chuẩn nước sạch theo QCVN01/BYT - 2009 của bộ Y tế quy định;

- Thành lập tổ kiểm tra, đọc đồng hồ, phân tích đánh giá với những khách hàng sử dụng nước từ 0-3m³ để kịp thời ngăn chặn hành vi sử dụng nước bất hợp pháp và kiểm tra hoạt động ghi thu sản phẩm, chất lượng đồng hồ...;

- Hoạt động sản xuất cấp nước đảm bảo liên tục về thời gian cung cấp nước cho khách hàng đầy đủ. Đảm bảo đủ áp lực, lưu lượng cấp nước tới khách hàng sử dụng nước (trừ trường hợp bất khả kháng như mất điện, bão lũ).

- Các Xí nghiệp, đơn vị đã chỉ đạo tổ chức công tác biên đọc đồng hồ đúng lịch trình, thời gian theo quy định. Tổ chức đọc đồng hồ 2 kỳ/tháng để kịp thời xử lý các tình huống sử dụng đột biến và chăm sóc khách hàng;

- Các đơn vị đã đôn đốc nhân viên thu ngân thu tiền kịp thời, nộp tiền đúng thời hạn.

f. Công tác cải tạo mạng đường ống; mở rộng mạng lưới cấp nước; sửa chữa điểm chảy và quản lý mạng lưới cấp nước.

- Công tác cải tạo mạng đường ống : Các tuyến ống cấp nước cũ xuống cấp, xử lý kịp thời những tuyến ống gây thất thoát nước và gây ô nhiễm trong năm 2017 thực hiện cải tạo được **18.451 m** ống đã xuống cấp, mục nát.

- Công tác mở rộng mạng lưới cấp nước đến những vùng chưa có nước sạch theo nhu cầu của khách hàng được chú trọng, trong năm 2017 đã mở rộng mạng lưới cấp nước **20.483 m**.

- Trong năm 2017 đã xảy ra **1.710 điểm chảy** từ hệ thống mạng đường ống, các đơn vị đã tiến hành công tác sửa chữa;

- Hệ thống mạng đường ống đã được quản lý tốt, các sự cố trên hệ thống mạng đường ống đã được xử lý kịp thời. Nghe dò tìm các điểm xì vỡ vào ban đêm (10 giờ đêm đến 03 giờ sáng hôm sau).

1.2. Những tiến bộ công ty đã đạt được:

- Duy trì nước ổn định, đảm bảo chất lượng cho khách hàng

- Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và đổi mới công nghệ trong công tác quản lý cũng như sản xuất. Giúp cho công tác quản trị, quản lý doanh nghiệp được cải thiện theo chiều hướng hiện đại, có chiều sâu và hiệu quả cao (các phần mềm tin học và nhiều sáng kiến cải tiến kỹ thuật nhằm đảm bảo tốt trong công tác sản xuất và cấp nước an toàn)

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%GTCL/N G
1. Tài sản cố định hữu hình	1.073.773.904.265	655.748.319.829	61,07

Nhà cửa và vật kiến trúc	504.738.219.039	361.674.376.234	71,66
Máy móc thiết bị động lực	105.163.815.565	29.966.328.358	28,49
Phương tiện vận tải truyền dẫn	459.059.225.577	261.588.116.367	56,98
Thiết bị, dụng cụ quản lý	572.975.000	371.000.117	64,75
TSCĐ hữu hình khác	4.239.669.084	2.148.498.753	50,68
2. Tài sản cố định vô hình	6.030.610.000	5.915.510.042	98,09
Quyền sử dụng đất lâu dài	5.690.610.000	5.690.610.000	100,00
Phần mềm máy vi tính	340.000.000	224.900.042	66,15
Tài sản cố định	1.079.804.514.265	661.663.829.871	61,28

Công ty không có tài sản xấu ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ:

Tính đến ngày 31/12/2017 Nợ phải trả là 417.189.203.453 đồng, trong đó:

Nợ ngắn hạn: 106.128.001.592 đồng

Nợ dài hạn: 311.061.201.861 đồng

Không có biến động quá lớn về các khoản nợ

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Năm 2017 Công ty đã ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý như: Văn phòng điện tử, phần mềm quản lý nhân sự, phần mềm quản lý khách hàng, phần mềm xây lắp sửa chữa ... Nâng cấp website của công ty để khách hàng dễ dàng tra cứu các thông tin của thông tin và thủ tục lắp đặt nước.

Tiếp tục xây dựng, cải tiến và áp dụng các quy trình vào hoạt động sản xuất, kinh doanh. Ban hành các quy chế nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, tạo cơ chế thuận lợi trong việc thực hiện nhanh các yêu cầu của khách hàng như lắp đặt, sửa chữa ... Ban hành quy định về xử lý trách nhiệm trong công tác thất thu, thất thoát, nhằm nâng cao vai trò, trách nhiệm của cán bộ, công nhân viên trong việc chống thất thu, thất thoát nước sạch.

4. Kế hoạch phát triển sản xuất năm 2018:

a. Chỉ tiêu lượng nước thô để sản xuất, nước tiêu thụ và tỷ lệ thất thoát.

- Nước thô để sản xuất: 36.278.168 m³;

- Nước tiêu thụ: 24.494.300 m³;

- Tỷ lệ thất thoát toàn Công ty 32,48%.

b. Chất lượng nước sạch, thời gian cung cấp nước sạch

- *Chất lượng nước sạch*

Chất lượng nước sau xử lý đảm bảo đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống QCVN 01:2009/BYT ban hành kèm theo Thông tư số 04/2009/TT-BYT ngày 17/6/2009 của Bộ Y tế.

- Dịch vụ cấp nước

- Khu vực thành phố Vinh và vùng phụ cận dịch vụ cấp nước ổn định liên tục 24/24 giờ.

- Các khu vực còn lại dịch vụ cấp nước từ 16-24h/ngày.

c. Hiện trạng khách hàng sử dụng nước, kế hoạch phát triển khách hàng mới, kế hoạch cải tạo, thay thế đồng hồ 2018.

- Tổng khách hàng sử dụng nước (tính đến 31/12/2017) là: **111.396** hộ

- Kế hoạch phát triển khách hàng trong năm 2018 là: **4.510** hộ

- Kế hoạch cải tạo khách hàng trong năm 2018: **1.355** hộ

- Kế hoạch thay thế đồng hồ trong năm 2018 là: **1.803** hộ.

d. Kết quả hoạt động kinh doanh dự kiến năm 2018:

- Tổng doanh thu:	201.451.161.000 đồng
+ Doanh thu từ cấp nước:	199.451.161.000 đồng
+ Doanh thu từ hoạt động khác:	2.000.000.000 đồng
- Tổng chi phí:	201.422.341.792 đồng
- Lợi nhuận sau thuế:	23.055.366 đồng
- Nộp NS Nhà nước:	6.730.000.000 đồng
- Chi trả cổ tức:	16.138.756 đồng

e. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: đồng

Danh mục	Doanh thu	Chi phí	Lợi nhuận (trước thuế)	Nộp ngân sách
+ Doanh thu từ cấp nước	199.451.161.000	199.422.341.792	28.819.208	6.730.000.000
+ Doanh thu từ hoạt động khác (xây lắp)	2.000.000.000	2.000.000.000		
Tổng	201.451.161.000	201.422.341.792	28.819.208	6.730.000.000

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Căn cứ Thông tư 155/2015-BTC ngày 06/10/2015, Công ty cổ phần cấp nước Nghệ An đã công bố thông tin Báo cáo tài chính năm 2017 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY – Chi nhánh Miền Trung trên Ủy

ban chứng khoán Nhà Nước và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với các ý kiến ngoại trừ như sau:

- Chúng tôi không thể chứng kiến kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho, công cụ dụng cụ xuất dùng, tài sản cố định, công trình xây dựng cơ bản dở dang tại thời điểm kết thúc niên độ. Chúng tôi cũng không thực hiện được thủ tục thay thế, vì vậy, chúng tôi không thể khẳng định được số lượng và tình trạng của các khoản mục nêu trên tại thời điểm 31/12/2017. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các khoản mục này hay không.

Công ty chúng tôi xin giải trình như sau: Hàng năm Công ty đều tổ chức kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho, CCDC, TSCĐ và công trình xây dựng cơ bản. Tuy nhiên do đặc thù của Công ty trải rộng trên địa bàn tỉnh Nghệ An và nhiều xí nghiệp, bên cạnh đó các CCDC, tài sản cố định và công trình xây dựng cơ bản của Công ty đặc thù (được ngầm hóa nhiều dưới đất) nên việc kiểm kê gặp nhiều khó khăn trong việc quan sát và đánh giá.

- Tại ngày 31/12/2017, một phần số dư các khoản công nợ phải thu ngắn hạn khác, người mua trả tiền trước ngắn hạn, vay dài hạn chưa được đối chiếu, xác nhận. Chúng tôi cũng không thực hiện được thủ tục thay thế, vì vậy, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh cho các phần số dư này hay không.

Công ty chúng tôi xin giải trình như sau: đối với các khoản công nợ Công ty có quy chế tài chính trong việc quản lý, theo dõi và thu hồi. Cuối mỗi kỳ kế toán Công ty đều thực hiện đối chiếu công nợ với khách hàng và nhà cung cấp. Do đặc thù trong hoạt động kinh doanh của Công ty là các khách hàng nhỏ lẻ (hộ gia đình) chiếm tỷ trọng lớn, nằm rải rác khắp tỉnh Nghệ An nên việc đi đối chiếu công nợ thường mất rất nhiều thời gian. Vì vậy đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán mặc dù Công ty đã triển khai gửi Biên bản đối chiếu đến từng khách hàng và nhà cung cấp nhưng tỷ lệ thu hồi chưa được đầy đủ.

- Tại Báo cáo tài chính năm 2017 Công ty có khoản lỗ 619.505.125 đồng

Công ty chúng tôi xin giải trình như sau:

Thứ nhất: Trong năm 2017 Công ty không đạt được chỉ tiêu sản lượng nước tiêu thụ dẫn đến doanh thu sụt giảm 4.481.069.554 đồng, cụ thể:

+ Doanh thu kế hoạch: 195.727.000.000 đồng

+ Doanh thu thực tế: 191.245.930.446 đồng

Thứ hai: Các chi phí đầu vào tăng lên, cụ thể:

+ Các nguyên vật liệu đầu vào tăng như giá vật tư, giá điện dùng cho sản xuất kinh doanh, giá nhân công tăng.

Thứ ba: Chi phí Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm Y tế, Bảo hiểm thất nghiệp tăng cụ thể: Căn cứ Công văn số 133/BHXH -QLT ngày 22/01/2016 về việc thực hiện tiền lương đóng BHXH, BHYT, BHTN của BHXH tỉnh Nghệ An; Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BHXH; Nghị định số 122/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ quy

định mức lương tối thiểu vùng; Luật BHXH số 58 có hiệu lực từ 01/01/2016; Công văn số 26/LĐXH-BHXH ngày 05/01/2016 của Bộ LĐTBXH về việc triển khai Luật BHXH năm 2014. Công ty CP Cấp nước Nghệ An xây dựng Phương án chuyển xếp hệ số lương cho Cán bộ công nhân viên trong toàn Công ty từ nghị định 205 sang nghị định 49 và được Sở lao động TBXH Tỉnh Nghệ An phê duyệt tại Công văn 2704/LĐTBXH.LĐ ngày 29/08/2017. Vì vậy năm 2017 Công ty hạch toán phần chi phí tăng thêm này vào giá thành 2017 số tiền là: 751.014.121 đồng.

Trên đây là giải trình của Công ty về ý kiến kiểm toán ngoại trừ và khoản lỗ trên Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Công ty đã thực hiện các biện pháp tiết kiệm tối đa nguồn nước, năng lượng tiêu thụ (điện năng) phục vụ sản xuất. Thường xuyên tăng cường công tác kiểm tra chất lượng nước nguồn, nước sau xử lý tại nhà máy và nước sau xử lý tại các hộ dân, trên cơ sở đó để có giải pháp xử lý phù hợp nhằm nâng cao chất lượng nước, đảm bảo đạt tiêu chuẩn nước sạch theo QCVN01/BYT - 2009 của bộ Y tế quy định;

Công ty đặc biệt chú trọng công tác đảm bảo vệ sinh môi trường, cảnh quan nơi làm việc, thường xuyên đôn đốc cán bộ công nhân viên, tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên vệ sinh nơi làm việc đảm bảo môi trường làm việc xanh, sạch, đẹp.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Căn cứ các quy định của pháp luật về lao động, kế hoạch kinh doanh, kết quả kinh doanh dựa trên mức độ hoàn thành và độ phức tạp của công việc, Công ty sẽ có chế độ lương, thưởng thích hợp nhằm khích lệ người lao động, đồng thời đảm bảo đời sống của cán bộ công nhân viên ... Người lao động được hưởng BHXH, BHYT, BHTN theo chế độ chính sách của Nhà nước

Thực hiện trang cấp BHLĐ, huấn luyện ATLĐ theo đúng định kỳ, công tác vệ sinh, an toàn lao động và phòng chống cháy nổ thường xuyên được chú trọng. Thực hiện tốt chế độ nâng lương, nâng bậc, chế độ nghỉ phép hàng năm theo đúng quy định

Thời gian làm việc 7.5 giờ/1 ngày, 7 ngày/1 tuần. Một năm được hưởng số ngày phép theo quy định của pháp luật. Chế độ ốm đau, thai sản và các chế độ khác của người lao động được giải quyết kịp thời đầy đủ. Không ngừng cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động

Hàng năm Công ty tổ chức các lớp tập huấn ngắn hạn để bổ sung kiến thức cho cán bộ công nhân viên về nghiệp vụ.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Công ty luôn chú trọng đến các hoạt động xã hội, an ninh trật tự, an toàn

phòng chống cháy nổ tại địa bàn nơi làm việc, tích cực ủng hộ các đợt kêu gọi của địa phương, ủng hộ các quỹ hỗ trợ trẻ em nghèo khuyết tật, ủng hộ đồng bào lụt bão...

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:

Năm 2017 Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong công tác tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng Hội đồng quản trị đã lãnh đạo toàn công ty vượt qua mọi khó khăn, thách thức để cơ bản hoàn thành kế hoạch đã đề ra.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

Trong năm 2017 Hội đồng quản trị đã lãnh đạo toàn diện các hoạt động của Công ty, quyết định kịp thời các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT. Các thành viên HĐQT đã nêu cao tinh thần trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Về cơ bản các thành viên HĐQT đều thực hiện nhiệm vụ trên cơ sở luật và điều lệ Công ty quy định, có thái độ nghiêm túc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Hội đồng quản trị đã thực hiện giám sát Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý trong việc: Tổ chức thực hiện Nghị quyết đại hội đồng cổ đông, việc triển khai các Nghị quyết, Quyết nghị của Hội đồng quản trị, công tác điều hành hoạt động SXKD của Công ty đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ hoạt động tổ chức của Công ty. Trong quá trình quản lý, giám sát quản lý của Ban Tổng Giám đốc, HĐQT đã lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể; đã kịp thời bổ sung, điều chỉnh một số nội dung công tác quản lý điều hành để tăng tính hiệu quả của công tác quản lý. Giải quyết nhanh các đề xuất của Ban Tổng Giám đốc để triển khai thực hiện kịp thời.

Công tác giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc đã được thực hiện tương đối tốt. Thông qua các kênh thông tin, HĐQT đã sớm nắm bắt, điều chỉnh các hoạt động của Bộ máy điều hành Công ty theo hướng có hiệu quả. Ba trong số năm thành viên HĐQT hoạt động kiêm nhiệm, do vậy việc gắn trách nhiệm của các thành viên HĐQT với chức năng quản lý chuyên môn chặt chẽ hơn.

Kết quả giám sát cho thấy Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý trong Công ty luôn hoàn thành nhiệm vụ được giao với tinh thần trách nhiệm cao nhất đã tổ chức, thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả Nghị quyết đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị vì sự ổn định, bền vững, an toàn của Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2018 được dự báo tình hình sản xuất kinh doanh vẫn còn nhiều khó khăn, để hoàn thành nhiệm vụ năm 2018 Công ty sẽ phải rất nỗ lực phấn đấu và phải có những giải pháp thực hiện rất cụ thể, phù hợp với đặc điểm của Công ty. Hội đồng quản trị đưa ra một số mục tiêu kế hoạch thực hiện trong năm 2018 như sau:

- Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2018.
- Xây dựng giá thành sản phẩm nước sạch, trình UBND tỉnh phê duyệt và ra quyết định áp dụng.
- Phê duyệt bộ Quy chế của Công ty cổ phần bao gồm: Quy chế hoạt động SXKD, Quy chế tài chính và Quy chế phối hợp hoạt động giữa tổ chức Đảng – chuyên môn – công đoàn – đoàn thanh niên.
- Nâng công suất của một số nhà máy để đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch của nhân dân và các khu công nghiệp.

V. Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị:

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Danh sách Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Bá Quý	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Hoàng Văn Hải	Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc
3	Nguyễn Quang Duyên	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
4	Lê Đình Hoan	Thành viên Hội đồng quản trị
5	Đặng Thị Vân Nam	Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng

+ Chủ tịch Hội đồng quản trị: Ông NGUYỄN BÁ QUÝ

Họ và tên: NGUYỄN BÁ QUÝ
 Giới tính: NAM
 Sinh ngày: 2/3/1960
 Nơi sinh: Quỳnh Đôi - Quỳnh Lưu - Nghệ An
 Quốc tịch: Việt Nam
 Hộ khẩu thường trú: Khối 3 - Thị trấn huyện Tân Kỳ - Tỉnh Nghệ An
 Số CMND: 187253456 Ngày cấp 12/7/2010 Nơi cấp: Công an tỉnh Nghệ An
 Điện thoại liên hệ: 0912.187.560
 Trình độ văn hoá: 10/10
 Trình độ chuyên môn: ĐH kỹ thuật công nghiệp Việt Bắc (Cơ khí chế tạo máy)
 Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Nga (trình độ B)
 Chức vụ hiện nay: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Cấp nước Nghệ An
 Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Mía đường Sông Con
 Quá trình công tác:

Quá trình công tác:

Từ tháng/năm đến tháng/năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1960 đến 1966	Quỳnh Đôi - Quỳnh Lưu - Nghệ An	Còn nhỏ - ở với Mẹ
Từ 1966 đến 1970	Nghĩa Đồng 2 - Tân Kỳ - Nghệ An	Học mẫu giáo, cấp 1
Từ 1970 đến 1973	Nghĩa Đồng 1 - Tân Kỳ - Nghệ An	Học cấp 2
Từ 1974 đến 1977	Thị trấn Lạt- Tân Kỳ- Nghệ An.	Học cấp 3
Từ 1977 đến 10/1981	Học Đại học KTCN Việt Bắc ở Lưu Xá – Thái Nguyên	Sinh viên
Từ 1/11/1982 đến 31/3/1993	Xí nghiệp vận tải 500 xe – Tổng công ty Thủy điện Hòa Bình- Hà Sơn Bình,	Kỹ sư
Từ 1/4/1993 đến 30/09/2001	Xí Nghiệp Đường Rượu Sông Con - Huyện Tân Kỳ - Tỉnh Nghệ An	Trưởng phòng Kỹ thuật
Từ 01/10/2001 đến 31/05/2004	Công ty Mía đường Sông Con - Huyện Tân Kỳ - Tỉnh Nghệ An	Phó Giám đốc
Từ 01/06/2004 đến 30/09/2006	Công ty Mía đường Sông Con - Huyện Tân Kỳ - Tỉnh Nghệ An	Giám đốc Công ty
Từ 01/10/2006 đến 04/01/2017	Công ty Mía đường Sông Con - Huyện Tân Kỳ - Tỉnh Nghệ An	Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty
Từ 05/01/2017 - Nay	Chủ tịch HĐQT Công ty Mía đường Sông Con kiêm chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần cấp nước Nghệ An.	

- Tổng số lượng cổ phần có quyền biểu quyết: 0 cổ phần

+ Số lượng cổ phần do Nhà nước ủy quyền: 0 cổ phần

+ Cổ phần cá nhân nắm giữ: 0 cổ phần

- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan: Công ty cổ phần Mía đường Sông Con (Ông Nguyễn Bá Quý là Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Mía đường Sông Con) sở hữu 11.335.440 cổ phần chiếm 38.34% vốn điều lệ.

+ Phó chủ tịch HĐQT – Tổng Giám đốc: Ông HOÀNG VĂN HẢI

Sơ yếu lý lịch đã trình bày tại Mục 2.1 (Phần Ban điều hành) nêu trên.

+ Thành viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc: Ông NGUYỄN QUANG DUYÊN

Sơ yếu lý lịch đã trình bày tại Mục 2.2 (Phần Ban điều hành) nêu trên.

+ Thành viên HĐQT – Kế toán trưởng: Bà ĐẶNG THỊ VÂN NAM

Sơ yếu lý lịch đã trình bày tại Mục 2.6 (Phần Ban điều hành) nêu trên.

+ Thành viên HĐQT: Ông LÊ ĐÌNH HOAN

Họ và tên: **LÊ ĐÌNH HOAN**

Giới tính: **NAM**

Sinh ngày: **4/8/1976**

Nơi sinh: **Hương Phố - Hương Khê - Hà Tĩnh**

Quê quán: **Hương Phố - Hương Khê - Hà Tĩnh**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Hộ khẩu thường trú: **Phường Lê Mao - Thành phố Vinh - Tỉnh Nghệ An**

Số CMND: **182069992 Ngày cấp: 11/11/2002 Nơi cấp: Công an tỉnh**

Nghệ An

Điện thoại liên hệ: **0912.043.606**

Trình độ văn hoá: **12/12**

Trình độ chuyên môn: **Cao đẳng kế toán**

Trình độ ngoại ngữ: **Tiếng Anh (Bằng B)**

Chức vụ hiện nay: **Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Cấp nước Nghệ An**

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: **Giám đốc Công ty cổ phần Mía đường**

Sông Con

Quá trình công tác:

Từ tháng/năm đến tháng/năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1976 đến 1982		Còn nhỏ
Từ 1982 đến 1991	Trường THCS Đông Vĩnh 1 – TP. Vinh – Nghệ Tĩnh	Đi học
Từ 1991 đến 1994	Trường Huỳnh Thúc Kháng – TP. Vinh – NA	Đi học
Từ 1994 đến 1997	Trường Cao đẳng bán công quản trị kinh doanh – Hải Hung	Sinh viên
Từ 1/7/1997 đến 30/9/2001	Công ty cổ phần Mía đường Sông Con	Nhân viên kế hoạch

Từ 01/10/2001 đến 30/10/2006	Công ty cổ phần Mía đường Sông Con	Phó phòng Kế hoạch
Từ 01/11/2006 đến 28/02/2010	Công ty cổ phần Mía đường Sông Con	Phó chủ tịch HĐQT, phó Giám đốc
Từ 01/03/2010 đến 04/1/2017	Công ty cổ phần Mía đường Sông Con	Giám đốc
Từ 05/01/2017 - Nay	Giám đốc Công ty cổ phần Mía đường Sông Con kiêm Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Cấp nước Nghệ An.	

- Tổng số lượng cổ phần có quyền biểu quyết: 0 cổ phần
- + Số lượng cổ phần do Nhà nước ủy quyền: 0 cổ phần
- + Cổ phần cá nhân nắm giữ: 0 cổ phần

- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan: Công ty cổ phần Mía đường Sông Con (Ông Lê Đình Hoan là Giám đốc Công ty cổ phần Mía đường Sông Con) sở hữu 11.335.440 cổ phần chiếm 38.34% vốn điều lệ

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị không thành lập các tiểu ban

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Năm 2017 Hội đồng quản trị đã bám sát diễn biến thực tế hoạt động của Công ty, phát huy tối đa nội lực, chỉ đạo Ban điều hành mở rộng hoạt động, ngành nghề tạo việc làm và thu nhập cho người lao động. Hội đồng quản trị đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động, các quy chế nội bộ trong hoạt động quản trị. Các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đều dựa trên sự thống nhất cao của các thành viên. Các thành viên Hội đồng quản trị đã nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ quản trị, hành động vì sự phát triển bền vững của doanh nghiệp và lợi ích của cổ đông.

Hàng tháng HĐQT tổ chức họp thường kỳ để nghe và phê duyệt nội dung Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch SXKD trong tháng qua và thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh trong tháng tới; khi có yêu cầu về công việc thuộc thẩm quyền quyết định, HĐQT họp đột xuất để giải quyết kịp thời. Trong năm HĐQT đã tổ chức họp 12 cuộc họp định kỳ và 10 cuộc họp đột xuất. Các cuộc họp được triệu tập đúng với quy định của điều lệ; có sự tham gia dự họp của Ban kiểm soát đầy đủ. Các quyết định thông qua tại phiên họp đều thống nhất ý kiến 100% của các thành viên tham dự, đảm bảo chất lượng, nội dung.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

- Không có

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có.

2. Ban Kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Danh sách và sơ yếu lý lịch của Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Võ Thị Thìn	Trưởng Ban kiểm soát
2	Trần Thị Lan Anh	Thành viên Ban kiểm soát
3	Hoàng Thị Trang	Thành viên Ban kiểm soát

2.1. Trưởng Ban kiểm soát: Bà VÕ THỊ THÌN

Họ và tên: **VÕ THỊ THÌN**
Giới tính: **Nữ**
Sinh ngày: **02/02/1976**
Nơi sinh: **Thạch Giám - Huyện Tương Dương- tỉnh Nghệ An**
Quê quán: **Thạch Giám - Huyện Tương Dương- tỉnh Nghệ An**
Quốc tịch: **Việt Nam**
Hộ khẩu thường trú: **Khôi Hoà Trung – TT.Hoà Bình – Huyện Tương Dương – Nghệ An**
Số CMND: **182342394** Ngày cấp: **13/02/2012** Nơi cấp: **Công an NA**
Điện thoại liên hệ: **0915226778**
Trình độ văn hoá: **12/12**
Trình độ chuyên môn: **Đại học (Cử nhân kế toán)**
Trình độ ngoại ngữ: **Tiếng Anh (Bằng B)**
Chức vụ hiện nay: **Trưởng Ban kiểm soát**
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
Quá trình công tác:

Từ tháng/năm đến tháng/năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1976 đến 1981		Còn nhỏ
Từ 1982 đến 1995		Học sinh
Từ 1996 – 5/1998	Trường Trung học kinh tế Nghệ An	Học sinh
Từ 9/1998 đến 4/2003	Trường Mầm non xã Tam Thái - Tương Dương - Nghệ An	Kế toán
Từ 5/2003 đến 8/2005	Trường THCS Tam Đình - Tương Dương - Nghệ An	Kế toán
Từ 9/2005 đến 5/2012	Phòng tài vụ UBND huyện Tương Dương	Cán bộ kho Quỹ
Từ 6/2012 đến 04/01/2017	Phòng tài vụ Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An	Kế toán vật tư
Từ 05/01/2017 đến Nay	Công ty cổ phần Cấp nước Nghệ An	Trưởng Ban kiểm soát

- Tổng số lượng cổ phần có quyền biểu quyết: 41.700 cổ phần
- + Số lượng cổ phần do Nhà nước ủy quyền:
- + Cổ phần cá nhân nắm giữ: 41.700 cổ phần

2.2. Thành viên Ban kiểm soát: Bà TRẦN THỊ LAN ANH

Họ và tên: **TRẦN THỊ LAN ANH**
 Giới tính: **Nữ**
 Sinh ngày: **15/11/1986**
 Nơi sinh: **Đà Sơn - Đô Lương - Nghệ An**
 Quê quán: **Đà Sơn - Đô Lương - Nghệ An**
 Quốc tịch: **Việt Nam**
 Hộ khẩu thường trú: **Thị trấn huyện Đô Lương - tỉnh Nghệ An**
 Số CMND: **186381454** Ngày cấp : **14/1/2004** Nơi cấp: **Công an tỉnh Nghệ An**
 Điện thoại liên hệ: **01696388268**
 Trình độ văn hoá: **12/12**
 Trình độ chuyên môn: **Đại học Thương mại (Cử nhân kế toán)**
 Trình độ ngoại ngữ: **Tiếng Anh (Bằng B)**
 Chức vụ hiện nay: **Thành viên Ban kiểm soát**
 Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: **Phó phòng Kế toán Công ty cổ phần Mía đường Sông Con Nghệ An**
 Quá trình công tác:

Từ tháng/năm đến tháng/năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1986 đến 1991		Còn nhỏ
Từ 1991 đến 1995	Trường Tiểu học Đà Sơn- Đô Lương	Học sinh
Từ 1995 đến 1999	Trường chuyên Lý Nhật Quang- Đô Lương	Học sinh
Từ 2000 đến 2004	Học THPT tại trường Đô Lương I	Học sinh
Từ 2004 đến 2009	Trường Đại học thương mại- Hà Nội.	Sinh viên
Từ 1/11/2009 đến 27/12/2016	Công ty CP Mía đường Sông Con NA - Huyện Tân Kỳ - Tỉnh Nghệ An	Kế toán viên
Từ 01/08/2016 đến 04/1/2017	Công ty cổ phần Mía đường Sông Con Nghệ An	Phó phòng kế toán
Từ ngày 05/01/2017 đến Nay	Phó phòng kế toán Công ty cổ phần Mía đường Sông Con kiêm thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Cấp nước Nghệ An	

- Tổng số lượng cổ phần có quyền biểu quyết: Không
- + Số lượng cổ phần do Nhà nước ủy quyền: Không
- + Cổ phần cá nhân nắm giữ: Không

2.3. Thành viên Ban kiểm soát: Bà HOÀNG THỊ TRANG

Họ và tên: **HOÀNG THỊ TRANG**
 Giới tính: **Nữ**
 Sinh ngày: **19/05/1990**
 Nơi sinh: **Xóm 5 - Thái Sơn - Đô Lương - Nghệ An**
 Quê quán: **Xóm 5 - Thái Sơn - Đô Lương - Nghệ An**
 Quốc tịch: **Việt Nam**
 Hộ khẩu thường trú: **Xóm 5 - Thái Sơn - Đô Lương - Nghệ An**
 Số CMND: **186977777 Ngày cấp : 26/08/2011 Nơi cấp: Công an NA**
 Điện thoại liên hệ: **0973.308.777**
 Trình độ văn hoá: **12/12**
 Trình độ chuyên môn: **Đại học (Cử nhân Tài chính ngân hàng)**
 Trình độ ngoại ngữ: **Tiếng Anh (Bằng C)**
 Chức vụ hiện nay: **Thành viên Ban kiểm soát, kiêm Kế toán Xí nghiệp xây lắp chống thất thoát nước Công ty cổ phần Cấp nước Nghệ An**
 Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 Quá trình công tác:

Từ tháng/năm đến tháng/năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1990 đến 1996		Còn nhỏ
Từ 1996 đến 2008		Học sinh
Từ 2008 đến 2012	Trường ĐH Vinh	Sinh viên
Từ 10/2012 đến 04/01/2017	Xí nghiệp xây lắp nước - Công ty TNHH MTV cấp nước Nghệ An	Kế toán
Từ 05/01/2017 đến Nay	Thành viên Ban Kiểm soát kiêm Kế toán Xí nghiệp xây lắp chống thất thoát nước - Công ty cổ phần cấp nước Nghệ An	

- Tổng số lượng cổ phần có quyền biểu quyết: 5.200 cổ phần
- + Số lượng cổ phần do Nhà nước ủy quyền: Không
- + Cổ phần cá nhân nắm giữ: 5.200 cổ phần

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, giám sát việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc theo luật doanh nghiệp và Điều

lệ của Công ty. Xem xét tính phù hợp các quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý.

- Kiểm tra trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty, phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng và năm, đảm bảo tính trung thực trong việc ghi chép, cập nhật chứng từ, sổ sách kế toán.
- Kiểm soát hoạt động thu, chi tài chính Công ty.
- Theo dõi và kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Tham gia tất cả các phiên họp của Hội đồng quản trị.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban Kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm và tạo điều kiện thuận lợi từ Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc cũng như các phòng , đơn vị, xí nghiệp để Ban Kiểm soát hoàn thành hiện nhiệm vụ mà được Đại hội đồng cổ đông giao.

Trong năm qua, Ban kiểm soát đã thực hiện những cuộc họp như sau:

- Cuộc họp ngày 30/12/2016 với nội dung bầu chức danh trưởng Ban Kiểm soát
- Cuộc họp ngày 09/02/2017 với nội dung thông qua dự thảo quy chế hoạt động của ban kiểm soát và phân công nhiệm vụ thành viên Kiểm soát viên nhiệm kỳ (2017 – 2021)
- Cuộc họp ngày 10/02/2017 với nội dung xử lý đơn thư của cổ đông phản ánh về vấn đề tài chính Công ty.
- Cuộc họp ngày 14/6/2017 với nội dung kiểm tra , kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động tài chính 6 tháng đầu năm của Công ty.
- Cuộc họp ngày 10/8/2017 Về việc xác minh đơn thư của Cổ đông phản ánh về vấn đề tài chính Công ty.
- Cuộc họp ngày 29/12/2017 Ban kiểm soát họp thống nhất kế hoạch triển khai Công tác năm 2018 và kế hoạch thẩm định báo cáo sản xuất kinh doanh, báo cáo quyết toán tài chính năm 2017 và báo cáo đánh giá Công tác quản lý, điều hành công ty năm 2017 của Hội đồng quản trị để trình đại hội đồng Cổ đông thường niên.

Ngoài các cuộc họp trực tiếp Ban Kiểm soát thường xuyên liên lạc trao đổi thông tin và đưa ra các giải pháp cụ thể trong việc thực hiện nhiệm vụ, nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- Tổng lương Trưởng ban kiểm soát năm 2017: **110.886.491** đồng
- Thù lao Hội đồng quản trị, thành viên ban kiểm soát năm 2017: **263.855.707** đồng

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Trong năm 2017, Công ty không phát sinh giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: - Không có

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: - Không có

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán:

Đơn vị kiểm toán: Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn UHY – Chi nhánh Miền Trung

Địa chỉ: Phòng 1301 – Chung cư tháp đôi dầu khí, Số 7 Đường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 0383 848 810

Fax: 0383 560 040

- Ý kiến của Kiểm toán độc lập:

- Chúng tôi không thể chứng kiến kê tiền mặt, hàng tồn kho, công cụ dụng cụ xuất dùng, tài sản cố định, công trình xây dựng cơ bản dở dang tại thời điểm kết thúc niên độ. Chúng tôi cũng không thực hiện được thủ tục thay thế, vì vậy, chúng tôi không thể khẳng định được số lượng và tình trạng của các khoản mục nêu trên tại thời điểm 31/12/2017. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các khoản mục này hay không.

- Tại ngày 31/12/2017, một phần số dư các khoản công nợ phải thu ngắn hạn khác, người mua trả tiền trước ngắn hạn, vay dài hạn chưa được đối chiếu, xác nhận. Chúng tôi cũng không thực hiện được thủ tục thay thế, vì vậy, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh cho các phần số dư này hay không.

2. Báo cáo tài chính năm 2017 được kiểm toán đã được nộp cho UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY TỔNG GIÁM ĐỐC



Hoàng Văn Hải

vụ mới cho Công ty mở rộng phạm vi hoạt động; tìm kiếm nguồn vốn đầu tư để mở rộng và nâng cấp hệ thống cấp nước tại thành phố Vinh và thị trấn các huyện trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Năm 1996, thực hiện chủ trương của UBND tỉnh Nghệ An về việc cấp nước cho thị trấn các huyện miền núi, Dự án cấp nước thị trấn 6 huyện Miền núi bằng nguồn vốn ODA của Chính phủ Hoàng gia Đan Mạch tài trợ. Dự án nhằm mục tiêu cung cấp nước sạch cho thị trấn các huyện gồm Đô Lương, Anh Sơn, Quỳnh Châu, Quỳnh Hợp, Tân Kỳ và Con Cuông với tổng công suất 6.500 m³/ngày đêm.

Năm 2001, Dự án hoàn thành và đưa vào khai thác sử dụng. Theo đó đã hình thành Xí nghiệp cấp nước các Thị trấn Miền núi, nay là Xí nghiệp cấp nước các Đô thị Miền Tây trực thuộc Công ty. Hiện tại, Xí nghiệp Cấp nước các Đô thị miền Tây đang vận hành và quản lý 9 hệ thống cấp nước thuộc vùng miền núi phía Tây tỉnh Nghệ An với tổng công suất hơn 10.000 m³/ngày đêm và tổng số lượng khách hàng dùng hơn 17.000 hộ.

Ngày 20/01/2006, theo Quyết định số 315/QĐ-UBND-ĐMDN của UBND tỉnh Nghệ An, trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu từ Công ty cấp nước Nghệ An sang Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An. Ngày 12/2/2015, Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An ra Quyết định số 5333/ QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH Cấp nước Nghệ An. Qua đó công ty đổi thành Công ty cổ phần cấp nước Nghệ An với số vốn điều lệ 295.622.070.000 đồng, trong đó nhà nước chiếm 51% vốn điều lệ.

Kể từ ngày 05/01/2017, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2900324240 thay đổi lần 4, chính thức hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần với vốn điều lệ đăng ký là 295.622.070.000 đồng.

Ngày 05/06/2017, Công ty được Ủy ban chứng khoán chấp thuận đăng ký công ty đại chúng theo công văn số 3704/UBCK-GSĐC ngày 05/06/2017.

Ngày 26/07/2017, Công ty được Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu theo Quyết định số 557/QĐ-SGDHN.

Quá trình phát triển:

Với tiền thân Nhà máy nước Vinh công suất 1.200 m³/ngày đêm, mỗi năm chỉ cấp được 0,4 triệu m³ nước cung cấp cho các khu dân cư và công sở. Qua các thời kỳ, với sự hỗ trợ của các nước XHCN, nhà máy đã dần dần được mở rộng và nâng công suất. Đến nay, Công ty cổ phần cấp nước Nghệ An đã đảm bảo cung cấp nước sạch để phục vụ nhân dân với phạm vi không chỉ cho thành phố Vinh mà còn cho các thị trấn, các huyện và các vùng phụ cận thành phố, đáp ứng thoả mãn nhu cầu sinh hoạt, dịch vụ và sản xuất công nghiệp của phần lớn đô thị Tinh nhà. Ngoài

nhà máy nước Hưng Vĩnh với công suất 60.000 m³/ngày đêm, Công ty đang quản lý các nhà máy nước ở thị trấn các huyện Kỳ Sơn, Tương Dương, Con Cuông, Anh Sơn, Đô Lương, Tân Kỳ, Quỳnh Châu, Quỳnh Hợp, Thanh Chương, Nam Đàn, Hưng Nguyên với tổng công suất toàn Công ty gần 100.000 m³/ngày đêm.

Hiện tại, Công ty đã hoàn thành Dự án Cấp nước vùng phụ cận thành phố Vinh với công suất 20.000 m³/ngày đêm bằng nguồn vốn ODA của Chính phủ Phần Lan và vốn đối ứng của Tỉnh. Dự án nhằm giải quyết tình trạng thiếu nước sạch trầm trọng tại các vùng phụ cận thành phố Vinh, trong đó có mục tiêu phát triển Khu công nghiệp Nam Cẩm và một phần khu kinh tế Đông Nam Nghệ An cung cấp nước sạch cho các vùng thuộc địa bàn các xã Kim Liên và Nam Giang của huyện Nam Đàn, xã Hưng Tây của huyện Hưng Nguyên, các xã Nghi Kim, Nghi Liên và Hưng Đông của thành phố Vinh, các xã Nghi Long, Nghi Trung, Nghi Thuận, Nghi Vạn, Nghi Trường, Nghi Hoa, Nghi Long, Nghi Thịnh và thị trấn Quán Hành của huyện Nghi Lộc. Đồng thời, Công ty đang triển khai Dự án Cải tạo mạng giảm thất thoát nước bằng nguồn vốn của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) để nâng cấp Hệ thống mạng lưới cấp nước tại thành phố Vinh. Bên cạnh đó, để phát triển và dần dần hoàn thiện đội ngũ cán bộ quản lý và công nhân viên có tay nghề cao.

Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty:

Căn cứ Quyết định số 5333/QĐ-UBND ngày 12/11/2015 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An thành công ty cổ phần, vốn điều lệ Công ty cổ phần Cấp nước Nghệ An là 295.622.076.000 đồng (Hai trăm chín mươi lăm tỷ, sáu trăm hai mươi hai triệu, không trăm bảy mươi sáu nghìn đồng chẵn) trong đó vốn nhà nước tham gia cổ phần là 150.767.260.000 đồng chiếm 51% vốn điều lệ.

Ngày 5/1/2017, Công ty thực hiện thay đổi đăng ký kinh lần 4, đổi tên thành Công ty cổ phần cấp nước Nghệ An với số vốn điều lệ 295.622.076.000 đồng (Hai trăm chín mươi lăm tỷ, sáu trăm hai mươi hai triệu, không trăm bảy mươi sáu nghìn đồng chẵn) trong đó vốn nhà nước tham gia cổ phần là 150.767.260.000 đồng chiếm 51% vốn điều lệ.

Ngày 13/06/2017, UBND tỉnh Nghệ An ra Quyết định số 2536/QĐ-UBND v/v điều chỉnh vốn điều lệ, vốn nhà nước tại thời điểm xác định giá trị Doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần của CTCP Cấp nước Nghệ An. Theo đó, vốn điều lệ của Công ty là 373.859.830.000 đồng, trong đó vốn nhà nước là 229.005.020.000 đồng (chiếm 61,25% vốn điều lệ).

Ngày 05/10/2017, Ủy ban chứng khoán Nhà nước ban hành Công văn số 6625/UBCK-QLCB chấp thuận thay đổi đăng ký Công ty đại chúng về việc điều chỉnh phần vốn nhà nước tại CTCP Cấp nước Nghệ An.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

2.1. Ngành nghề kinh doanh chính:

- Khai thác, xử lý, cung cấp nước sạch và sản xuất kinh doanh nước uống đóng chai;
- Hoạt động tư vấn thiết kế chuyên dụng (công trình cấp thoát nước) và hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Thiết kế, giám sát, thi công, lập dự án đầu tư các công trình cấp, thoát nước và công nghệ nhà máy sản xuất nước;
- Tư vấn, quản lý đấu thầu xây lắp công trình cấp thoát nước và xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Kinh doanh bất động sản, xây dựng nhà các loại;
- Lắp đặt hệ thống điện và hệ thống xây dựng khác...;
- Mua bán vật tư, thiết bị chuyên ngành cấp thoát nước;

2.2. Địa bàn kinh doanh:

Khu vực thành phố Vinh, các vùng phụ cận thành phố Vinh và các huyện ở Miền tây thuộc tỉnh Nghệ An

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Cơ cấu bộ máy quản lý, Bao gồm:

+ Hội đồng quản trị: 01 Chủ tịch HĐQT, 01 Phó Chủ tịch và 03 thành viên HĐQT

+ Ban kiểm soát: 01 Trưởng BKS và 02 thành viên BKS

+ Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc

+ 05 Phòng trực thuộc :

- Phòng Tổ chức - Hành chính

- Phòng Kinh doanh

- Phòng Kế hoạch

- Phòng Kỹ thuật

- Phòng Kế toán

+ 06 Xí nghiệp

: - Xí nghiệp DVCN Tây Bắc Thành phố Vinh

- Xí nghiệp DVCN Đông Nam Thành phố Vinh

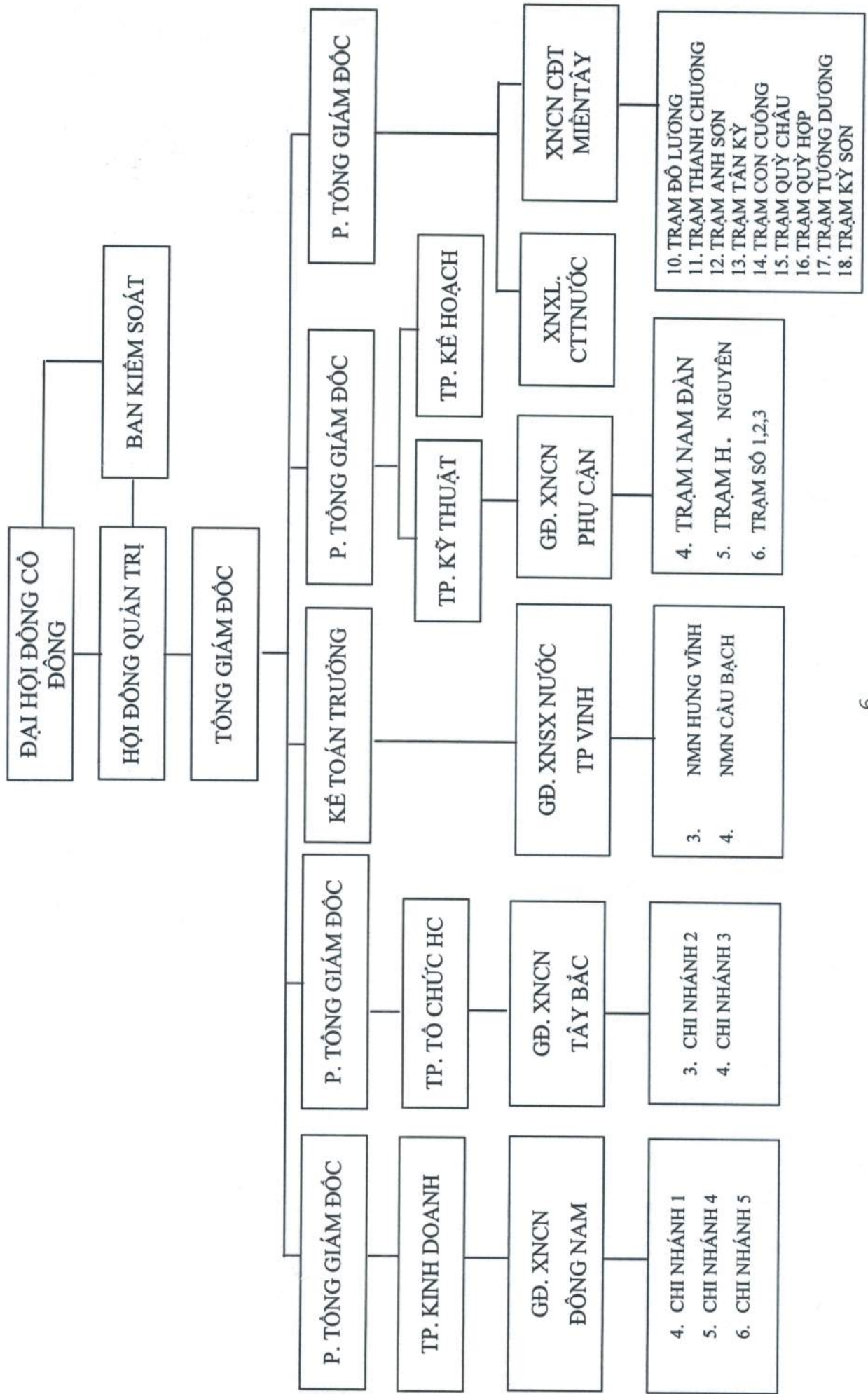
- Xí nghiệp xây lắp chống thất thoát nước

- Xí nghiệp cấp nước vùng phụ cận thành phố Vinh, quản lý 05 trạm trực thuộc (bao gồm: Trạm dịch vụ cấp nước số 1, số 2, số 3; Trạm cấp nước Nam Đàn; Trạm cấp nước Hưng Nguyên)

- Xí nghiệp sản xuất nước thành phố Vinh (bao gồm: Nhà máy nước Hưng Vĩnh; Trạm cấp nước cầu Bạch)

- Xí nghiệp cấp nước các đô thị miền Tây, quản lý 09 trạm cấp nước trực thuộc

- Sơ đồ tổ chức bộ máy:



- Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Định hướng phát triển

4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty năm 2018:

- Xây dựng Công ty cổ phần Cấp nước Nghệ An mạnh hơn, hiệu quả hơn trên cơ sở sử dụng hợp lý các nguồn lực; Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, liên kết cao hơn về tài chính, công nghệ và thị trường;
- Đảm bảo cấp nước an toàn, chất lượng và liên tục cho nhu cầu sinh hoạt, sản xuất và dịch vụ cho các khách hàng sử dụng nước;
- Triển khai đồng bộ, hiệu quả trong công tác chống thất thu, thất thoát, phấn đấu năm 2018 hạ tỷ lệ thất thoát xuống dưới 32%;
- Xây dựng đội ngũ quản lý, kinh doanh giỏi;
- Xây dựng doanh nghiệp thành một đơn vị đi đầu trong lĩnh vực cung cấp các dịch vụ công ích và dân sinh, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống;
- Không ngừng phát triển các hoạt động kinh doanh, dịch vụ của Công ty nhằm tối đa hóa lợi nhuận, đảm bảo lợi ích của Nhà nước, cổ đông và cán bộ công nhân viên
- Cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống của người lao động trong Công ty;
- Đóng góp cho ngân sách Nhà nước và xã hội.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Xây dựng và phát triển nguồn nhân lực theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, ứng dụng khoa học, công nghệ trong quản lý, điều hành và mở rộng mạng lưới cấp nước;
- Thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp nhằm đảm bảo cung cấp nước sạch an toàn, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng;
- Tìm kiếm nguồn vốn mở rộng, nâng cấp hệ thống cấp nước, bảo toàn, sử dụng có hiệu quả và phát triển nguồn vốn của Công ty;
- Thực hiện dịch vụ cấp nước khu vực thành phố Vinh và vùng phụ cận ổn định liên tục 24/24 giờ. Các khu vực còn lại dịch vụ cấp nước từ 16-24h/ngày;
- Thực hiện việc xử lý chất lượng nước đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống QCVN 01:2009/BYT ban hành kèm theo Thông tư số 04/2009/TT-BYT ngày 17/6/2009 của Bộ Y tế;

4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững đối với môi trường, xã hội và cộng đồng:

- Thực hiện tốt công tác giảm thất thoát nước góp phần bảo vệ tài nguyên nước;
- Nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, đáp ứng nhu cầu nước sạch của các hộ khách hàng và chấp hành nghiêm các quy định pháp luật trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Hoàn thành tốt nghĩa vụ nộp thuế đối với Nhà nước.

5. Các rủi ro:

5.1. Rủi ro về kinh tế:

- Giá nước thô mua với giá cao, giá nước sạch bán theo quy định chưa được điều chỉnh, trong khi đó giá các loại vật tư và dịch vụ thay đổi tăng theo giá thị trường

làm tăng chi phí và giảm lợi nhuận;

- Hệ thống mạng đường ống cấp nước và đồng hồ đầu nối đầu tư theo nhiều thời kỳ khác nhau, hiện nay đã xuống cấp nghiêm trọng, dẫn đến chất lượng nước sạch đến người sử dụng không đảm bảo và tỷ lệ thất thoát cao;
- Giá cả nguyên vật liệu đầu vào tăng cao, chi phí trả cho nguồn nước thô và chi phí cho công tác đầu nối phát triển khách hàng, thay thế đồng hồ miễn phí rất lớn, là một trong những khó khăn lớn cho hoạt động của Công ty;
- Khách hàng lắp mới chưa có thói quen sử dụng nước máy nên sản lượng tiêu thụ tăng không tương ứng với số lượng đồng hồ gắn mới; số lượng đồng hồ có khối lượng tiêu thụ từ (0 - 3)m³ chiếm tỷ lệ cao ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư kinh doanh;
- Hệ thống đường ống cấp nước của Công ty phần lớn đầu tư đã lâu năm, nay đã xuống cấp, hư hỏng nhiều là một trong những nguyên nhân gây ra tình trạng thất thoát nước; Việc đầu tư nâng cấp đòi hỏi chi phí lớn trong khi đó nguồn vốn tự có của Công ty không có; Dự án giám thất thoát vay vốn ADB không hiệu quả trong khi phần hỗ trợ từ ngân sách địa phương không có;
- Tỷ lệ nước cung cấp cho công nghiệp dịch vụ chiếm tỷ trọng ít nên lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh thấp.

5.2. Rủi ro về đặc thù:

- Đối với Công ty cấp nước, rủi ro đặc thù phổ biến là rủi ro thất thoát nước trong quản lý và kinh doanh nước. Nước rò rỉ được phân theo 2 loại:
 - Hữu hình là thất thoát dễ thấy như nước rò rỉ, chảy tràn lên mặt đất;
 - Vô hình là nước chảy ngầm dưới lòng đất, chảy vào hệ thống cống thoát nước ...

5.3. Rủi ro khác:

- Công ty gặp rủi ro và chịu ảnh hưởng của thời tiết như: Mưa bão, lũ lụt nhiều làm cho chất lượng nước thô kém; Nguồn điện cung cấp cho sản xuất không liên tục dẫn đến ảnh hưởng đến sản xuất; làm tăng chi phí sản xuất nước;
- Ý thức về quản lý bảo vệ nguồn nước, hệ thống cấp nước của người dân còn nhiều hạn chế;

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2017:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	So sánh (%)
1	Khối lượng nước thô để sản xuất	m ³	35.317.100	34.240.681	96,95
2	Sản lượng nước tiêu thụ	m ³	23.855.000	22.989.969	96,37

3	Tỷ lệ thất thoát	%	32,455	32,86	
4	Khách hàng lắp đặt mới tăng thêm	Hộ	5.250	5.809	111
5	Tổng doanh thu:	Đồng	196.255.631.000	191.245.930.446	97,4
	+ Doanh thu từ cấp nước	Đồng	195.255.631.000	186.950.622.412	
	+ Doanh thu từ hoạt động khác	Đồng	1.000.000.000	4.295.308.034	
6	Tổng chi phí	Đồng	194.824.103.996	191.865.435.571	
7	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	1.431.527.004	-619.505.125	
8	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	1.145.221.603	-619.505.125	
9	Chi trả cổ tức	Đồng	801.655.122	0	

- Đánh giá tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Năm 2017, Công ty Cổ phần Cấp nước Nghệ An không đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra do những nguyên nhân chính:

+ Nước thô mua vào với giá cao, giá nước sạch bán theo quy định không được điều chỉnh trong khi đó giá các loại vật tư đầu vào và dịch vụ thay đổi tăng theo giá thị trường làm tăng chi phí và giảm lợi nhuận;

+ Hệ thống cấp nước của Công ty phần lớn đầu tư lâu năm nay đã xuống cấp, hư hỏng nhiều là một trong những nguyên nhân gây ra tình trạng thất thoát nước; Việc đầu tư nâng cấp đòi hỏi chi phí lớn trong khi đó nguồn vốn tự có của Công ty không có; Dự án giám thất thoát vay vốn ADB không hiệu quả trong khi phần hỗ trợ từ ngân sách địa phương không có;

+ Một số hạng mục mới đưa vào khấu hao trong năm 2017;

+ Thực hiện Nghị định 122/NĐ-CP về việc áp dụng lương tối thiểu vùng đóng BHXH, BHYT, BHTN. Người sử dụng lao động phải đóng thêm khoản chênh lệch này của các năm 2016 là 322.076.612 đồng, năm 2017 là 428.937.509 đồng. Tổng 2 năm 2016 và 2017 là 751.014.121 đồng;

+ Từ tháng 12 năm 2016 giá điện sử dụng cho sản xuất tăng 6,08%;

+ Một số chi phí khác mang tính truyền thống chưa cắt bỏ được;

+ Năm 2017 là năm chịu ảnh hưởng nặng nề của thiên tai, bão lụt nên tăng chi phí xử lý nước; mất điện nhiều và kéo dài làm giảm sản lượng.

- Thu nhập bình quân năm 2016: 6.574.258 đồng;

- Thu nhập bình quân kế hoạch năm 2017: 6.200.000 đồng;

- Thu nhập bình quân năm 2017: 6.314.012 đồng;

- Thu nhập bình quân kế hoạch năm 2018: 6.300.000 đồng;

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành: Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác, bao gồm:

STT	Họ tên	Chức vụ
1	Hoàng Văn Hải	Tổng Giám đốc
2	Nguyễn Văn Hà	Phó Tổng Giám đốc
3	Nguyễn Quang Duyên	Phó Tổng Giám đốc
4	Nguyễn Xuân Long	Phó Tổng Giám đốc
5	Nguyễn Duy Trường	Phó Tổng Giám đốc
6	Đặng Thị Vân Nam	Kế toán trưởng

2.1.1. Tổng Giám đốc Công ty: Ông HOÀNG VĂN HẢI

Họ và tên: **HOÀNG VĂN HẢI**
Giới tính: **NAM**
Sinh ngày: **02/01/1961**
Nơi sinh: **Xã Bắc Sơn - Huyện Đô Lương - Tỉnh Nghệ An**
Quê quán: **Xã Bắc Sơn - Huyện Đô Lương - Tỉnh Nghệ An**
Quốc tịch: **Việt Nam**
Hộ khẩu thường trú: **Khối 10, Phường Trường Thi, Thành phố Vinh, Nghệ An**
Số CMND: **186527152** Ngày cấp: **26/02/2006** Nơi cấp: **Công an N.An**
Điện thoại liên hệ: **0912591392**
Trình độ văn hoá: **10/10**
Trình độ chuyên môn: **Đại học (Kỹ sư chế tạo máy)**
Chức vụ hiện nay: **Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty**
Quá trình công tác:

Từ tháng/năm đến tháng/năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1961 đến 1967		Còn nhỏ
Từ 1967 đến 1978		Học sinh
Từ 1978 đến 1984	Trường ĐH Bách khoa Hà Nội	Sinh viên
Từ 1/1985 đến 8/1997	Xí nghiệp liên hợp thiếc Nghệ Tĩnh	Cán bộ kỹ thuật
Từ 8/1998 đến 2/1999	Xí nghiệp xây lắp - Công ty Cấp nước Nghệ An	Cán bộ kỹ thuật
Từ 3/1999 đến 9/2001	Phòng Kế hoạch kỹ thuật - Công ty Cấp nước Nghệ An	Cán bộ kỹ thuật

Từ 10/2001 đến 12/2002	Nhà máy nước Con Cuông - Công ty Cấp nước Nghệ An	Trạm trưởng
Từ 01/2003 đến 10/2004	Trạm cấp nước Đô Lương – Xí nghiệp cấp nước các thị trấn miền núi - Công ty Cấp nước Nghệ An	Trạm trưởng
Từ 11/2004 đến 12/2005	Xí nghiệp cấp nước miền núi – Công ty Cấp nước Nghệ An	Phó Giám đốc XN
Từ 01/2006 đến 07/2006	Xí nghiệp cấp nước miền núi – Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An	Phó Giám đốc XN
Từ 08/2006 đến 02/2012	Xí nghiệp cấp nước các thị trấn miền núi - Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An	Giám đốc XN
Từ 3/2012 đến 4/1/2017	Phó Giám đốc Công ty kiêm Giám đốc Xí nghiệp cấp nước các thị trấn miền núi – Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An	Phó Giám đốc Công ty kiêm Giám đốc Xí nghiệp
Từ 5/1/2017 đến Nay	Công ty cổ phần Cấp nước Nghệ An	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

- Tổng số lượng cổ phần có quyền biểu quyết: 11.685.056 cổ phần

+ Số lượng cổ phần do Nhà nước ủy quyền: 11.679.256 cổ phần

+ Cổ phần cá nhân nắm giữ: 5.800 cổ phần

2.1.2. Phó Tổng Giám đốc: NGUYỄN QUANG DUYÊN

Họ và tên: NGUYỄN QUANG DUYÊN

Giới tính: NAM

Sinh ngày: 13/01/1966

Nơi sinh: Xã Kim Liên – Huyện Nam Đàn – tỉnh Nghệ An

Quê quán: Xã Kim Liên – Huyện Nam Đàn – tỉnh Nghệ An

Quốc tịch: Việt Nam

Hộ khẩu thường trú: Khối 14 – P. Trường Thi – TP. Vinh – tỉnh Nghệ An

Số CMND: 181943488 Ngày cấp: 04/01/2016 Nơi cấp: Công an NA

Điện thoại liên hệ: 0988973689

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Đại học (Cử nhân Luật kinh tế, Cử nhân kinh tế)

Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh (Bằng C)

Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty

Quá trình công tác:

Từ tháng/năm đến tháng/năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1972 đến 1983	Trường Kim Liên – Nam Đàn – Nghệ An	Học sinh Cấp I, II, III
Từ 1984 đến 1985	Kim Liên – Nam Đàn – Nghệ An	Lao động sản xuất
Từ 1985 đến 1986	Học Trường Cơ yếu quân chủng Không quân – Hà Đông	
Từ 1986 đến 1988	Phòng tham mưu, Trường Không quân Nha Trang – Khánh Hoà	Nhân viên Cơ yếu
Từ 1988 đến 1990	Trung đoàn 940 – Phù Cát, Bình Định – Bí thư Chi đoàn Tham mưu	Nhân viên Cơ yếu
Từ 1990 đến 1995	Đại học Luật Hà Nội - Lớp trưởng lớp Kinh tế K15B	Sinh viên
Từ 1996 đến 2001	Sở Xây dựng Nghệ An, Ủy viên Ban chấp hành Chi đoàn Văn phòng Sở.	Cán bộ Thanh tra
Từ 2002 đến 2004	Phòng TCHC - Thanh tra, Công ty cấp nước Nghệ An	Phó Phòng TC-HC, Bí thư Chi bộ
Từ 8/2004 đến 12/2005	Phòng TCHC – Thanh tra, Công ty cấp nước Nghệ An	Trưởng phòng TCHC-Đảng uỷ viên, Bí thư Chi bộ
Từ 01/2006 đến 6/2006	Phòng TCHC – Thanh tra, Công ty TNHH 1TV Cấp nước Nghệ An	Trưởng phòng TCHC-Đảng uỷ viên, Bí thư Chi bộ
Từ 7/2006 đến 4/2012	Công ty TNHH 1TV Cấp nước Nghệ An	Đảng uỷ viên, UVBan Thường vụ, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra đảng uỷ; Bí thư Chi bộ phòng TCHC - Thanh tra; Trưởng phòng TCHC; Phó Giám đốc công ty (Nhiệm kỳ 2006-2011); Ủy viên Ban chấp hành Công đoàn Công ty TNHH 1TV Cấp nước Nghệ An

Từ 5/2012 đến 3/2015	Công ty TNHH 1TV Cấp nước Nghệ An (Nhiệm kỳ 2012-2017)	Đảng uỷ viên, UV Ban Thường vụ đảng uỷ, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra đảng uỷ; Phó Giám đốc
Từ 4/2015 đến 14/10/2016	Công ty TNHH 1TV Cấp nước Nghệ An.	Đảng uỷ viên, UV Ban Thường vụ đảng uỷ, Phó Bí thư Đảng uỷ công ty (nhiệm kỳ 2015 – 2020); Phó Giám đốc
Từ 10/2016 đến 4/1/2017	Công ty TNHH 1TV Cấp nước Nghệ An.	Đảng uỷ viên, UV Ban Thường vụ đảng uỷ, Phó Bí thư Đảng uỷ công ty (nhiệm kỳ 2015 – 2020); Phó Giám đốc phụ trách điều hành
Từ 5/1/2017 đến Nay	Công ty cổ phần Cấp nước Nghệ An	Đảng uỷ viên, UV Ban Thường vụ đảng uỷ, Phó Bí thư Đảng uỷ công ty (nhiệm kỳ 2015 – 2020); Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

- Tổng số lượng cổ phần có quyền biểu quyết: 5.732.026 cổ phần
+ Số lượng cổ phần do Nhà nước ủy quyền: 5.725.126 cổ phần
+ Cổ phần cá nhân nắm giữ: 6.900 cổ phần

2.1.3. Phó Tổng Giám đốc: NGUYỄN VĂN HÀ

Họ và tên: NGUYỄN VĂN HÀ
Giới tính: NAM
Sinh ngày: 26/2/1978
Nơi sinh: Xã Tràng Sơn - Huyện Đô Lương - Tỉnh Nghệ An
Quê quán: Xã Tràng Sơn - Huyện Đô Lương - Tỉnh Nghệ An
Quốc tịch: Việt Nam
Hộ khẩu thường trú: Số 49 – Đường Nguyễn Quốc Trị - Phường Hưng Phúc - Thành phố Vinh - Tỉnh Nghệ An
Số CMND: 182167645 Ngày cấp: 02/12/2011 Nơi cấp: Công an NA
Điện thoại liên hệ: 0914447545
Trình độ văn hoá: 12/12
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kỹ thuật cơ sở hạ tầng / Kỹ sư xây dựng chuyên ngành Cấp thoát nước - Đại học Xây dựng

Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh (Bằng C)
 Chức vụ hiện nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng Kế hoạch
 Quá trình công tác:

Từ tháng/năm đến tháng/năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1984 đến 1989		Học sinh tiểu học Tràng Sơn - Đô Lương
Từ 1989 đến 1993		Học sinh THCS Tràng Sơn - Đô Lương
Từ 1993 đến 1996		Học sinh trường THPT Đô Lương I
Từ 1996 đến 2001	Trường ĐH Xây dựng Hà Nội	Sinh viên
Từ năm 01/2003 đến 6/2006	Chi nhánh công ty Nước và môi trường Việt Nam tại thành phố Đà Nẵng / Làm việc cho dự án World bank tại Đà Nẵng	Kỹ sư khảo sát thiết kế, giám sát kỹ thuật công trình cấp thoát nước và môi trường
Từ 7/2006 - 9/2013	Ban Quản lý dự án Công ty TNHH MTV cấp nước Nghệ An	
Từ 09/2013 đến 03/2016	Ban quản lý Dự án cải tạo mạng giảm thất thoát nước Thành phố Vinh	Phó Giám đốc BQLDA
Từ 4/2016 – 4/1/2017	Công ty TNHH MTV cấp nước Nghệ An.	Phó phòng Kế hoạch kỹ thuật
Từ 5/1/2017 đến 31/1/2017	Công ty cổ phần Cấp nước Nghệ An	Phó phòng Kế hoạch kỹ thuật
Từ 01/2/2017 đến 28/2/2017	Công ty cổ phần cấp nước Nghệ An.	Phó Tổng Giám đốc
Từ 1/3/2017 đến Nay	Công ty cổ phần cấp nước Nghệ An.	Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng Kế hoạch

- Tổng số lượng cổ phần có quyền biểu quyết: 5.900 cổ phần
 + Số lượng cổ phần do Nhà nước ủy quyền: Không
 + Cổ phần cá nhân nắm giữ: 5.900 cổ phần

2.1.4. Phó Tổng Giám đốc: NGUYỄN XUÂN LONG

Họ và tên: NGUYỄN XUÂN LONG
Giới tính: NAM
Sinh ngày: 28/06/1969
Nơi sinh: Xã Nam Cát - Huyện Nam Đàn - Tỉnh Nghệ An
Quê quán: Xã Nam Cát - Huyện Nam Đàn - Tỉnh Nghệ An
Quốc tịch: Việt Nam
Hộ khẩu thường trú: Khôi 14 – P.Trường Thi – TP. Vinh - Tỉnh Nghệ An
Số CMND: 181775151 Ngày cấp: 28/5/2013 Nơi cấp: Công an N.An
Điện thoại liên hệ: 0915715069
Trình độ văn hoá: 10/10
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng
Chức vụ hiện nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc xí nghiệp xây lắp chống thất thoát nước
Quá trình công tác:

Từ tháng/năm đến tháng/năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1969 đến 1987		Còn nhỏ, học cấp 1,2,3 và ở với bố mẹ
Từ 1987 đến 10/1988		Học hết cấp 3, ở nhà với bố mẹ
Từ 11/1988 đến 4/1989	Nhà máy cơ khí xây dựng Nghệ An	Công nhân
Từ 5/1989 – 1991	Bungari	Hợp tác Xuất khẩu lao động
Từ 1991 – 1993	Trường Công nhân kỹ thuật Việt Đức.	Được cử đi học
Từ 1993 -1999	Công tác tại Nhà máy nước Vinh	
Từ 1999 – 2002	Xí nghiệp xây lắp nước	Cán bộ kỹ thuật
Từ 2002 đến 12/2005	Phòng Kế hoạch kỹ thuật - Công ty Cấp nước Nghệ An	Cán bộ kỹ thuật
Từ 01/2006 đến 04/2010	Phòng Kế hoạch kỹ thuật - Công ty TNHH MTV cấp nước Nghệ An	Cán bộ kỹ thuật
Từ 5/2010 đến 6/2013	Xí nghiệp xây lắp nước - Công ty TNHH MTV cấp nước Nghệ An	Phó Giám đốc XN
Từ 1/7/2013 đến	Xí nghiệp xây lắp nước -	Giám đốc XN

04/1/2017	Công ty TNHH MTV cấp nước Nghệ An	
Từ 5/1/2017 đến 31/1/2017	Xí nghiệp xây lắp nước - Công ty cổ phần Cấp nước Nghệ An	Giám đốc XN
Từ 01/02/2017 đến 28/2/2017	Công ty cổ phần cấp nước Nghệ An	Phó Tổng Giám đốc
Từ 01/03/2017 đến Nay	Công ty cổ phần cấp nước Nghệ An	Phó Tổng Giám đốc Công ty Kiểm Giám đốc xí nghiệp xây lắp chống thất thoát nước

- Tổng số lượng cổ phần có quyền biểu quyết: 5.100 cổ phần
- + Số lượng cổ phần do Nhà nước ủy quyền: không
- + Cổ phần cá nhân nắm giữ: 5.100 cổ phần

2.1.5. Phó Tổng Giám đốc: NGUYỄN DUY TRƯỜNG

Họ và tên: NGUYỄN DUY TRƯỜNG
Giới tính: NAM
Sinh ngày: 09/11/1976
Nơi sinh: Khu phố 5 - Thành phố Vinh - Tỉnh Nghệ An
Quê quán: Khu phố 5 - Thành phố Vinh - Tỉnh Nghệ An
Quốc tịch: Việt Nam
Hộ khẩu thường trú: Khối 11 - Phường Đội Cung - Thành phố Vinh - Tỉnh Nghệ An
Số CMND: 182108176 Ngày cấp : 12/5/1994 Nơi cấp: CA tỉnh N.An
Điện thoại liên hệ: 0982.454.199
Trình độ văn hoá: 12/12
Trình độ chuyên môn: Đại học Kinh tế quốc dân chuyên ngành Marketing
Trình độ ngoại ngữ: Tiếng anh (bằng C)
Chức vụ hiện nay: Phó Tổng Giám đốc công ty
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Trưởng phòng Thị trường Công ty cổ phần mía đường Sông Con
Quá trình công tác:

Từ tháng/năm đến tháng/năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1981 đến 1986	THCS Đội Cung	Học sinh
Từ 1987 đến 1990	THCS Đội Cung	Học sinh
Từ 1991 đến 1994	Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng	Học sinh
Từ 1994 đến 1998	Trường Đại Học KTQD HN	Sinh viên

Từ 12/2000 –6/2002	Công ty hợp tác kinh tế Quân khu 4	Nhân viên thị trường
Từ 7/2002 – 30/10/2006	Công ty hợp tác kinh tế Quân khu 4	Trợ lý thị trường
Từ 01/01/2006 đến 30/11/2007	Công ty cổ phần mía đường Sông Con	Cán bộ thị trường
Từ 12/2007 đến 31/01/2017	Công ty cổ phần mía đường Sông Con	Trưởng phòng Thị trường
Từ 01/02/2017 đến nay	Trưởng phòng Thị trường Công ty cổ phần mía đường Sông Con kiêm Phó Tổng Giám đốc công ty cổ phần cấp nước Nghệ An	Phó Tổng Giám đốc

- Tổng số lượng cổ phần có quyền biểu quyết: Không
- + Số lượng cổ phần do Nhà nước ủy quyền: Không
- + Cổ phần cá nhân nắm giữ: Không

2.1.6. Kế toán trưởng: ĐẶNG THỊ VÂN NAM

Họ và tên: ĐẶNG THỊ VÂN NAM
Giới tính: NỮ
Sinh ngày: 03/07/1977
Nơi sinh: Xã Diễn Phú – Huyện Diễn Châu – Tỉnh Nghệ An
Quê quán: Xã Diễn Phú – Huyện Diễn Châu – Tỉnh Nghệ An
Quốc tịch: Việt Nam
Hộ khẩu thường trú: Khối Yên Vinh- P.Hung Phúc – TP.Vinh - Tỉnh Nghệ An
Số CMND: 182141440 Ngày cấp: 12/9/2012 Nơi cấp: Công an N.An
Điện thoại liên hệ: 0915229373
Trình độ văn hoá: 12/12
Trình độ chuyên môn: Đại học (Cử nhân kinh tế)
Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng Công ty
Quá trình công tác:

Từ tháng/năm đến tháng/năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1977 đến 1983		Còn nhỏ
Từ 1983 đến 1995		Học sinh
Từ 10/1995 đến 7/1997	Trường Trung cấp kinh tế Nghệ An	Sinh viên
Từ 10/1997 đến 2000	Công ty Cấp nước Nghệ An	Phó bí thư Đoàn thanh niên – Nhân viên kế toán
Từ 2000 đến 2005	Công ty Cấp nước Nghệ An	Đảng ủy viên – Phó bí

		thư đoàn thanh niên - Nhân viên kế toán
Từ 2006 đến 2011	Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An	Đảng uỷ viên - Phó bí thư đoàn thanh niên - Nhân viên kế toán
Từ 10/2012 đến 6/2013	Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An	Bí thư chi bộ Tài vụ - Nhân viên kế toán
Từ 7/2013 đến 11/2013	Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An	Bí thư chi bộ Tài vụ - Kinh doanh – Phó phòng tài vụ
Từ 12/2013 đến 04/01/2017	Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An	Bí thư chi bộ Tài vụ – Phụ trách kế toán
Từ 05/01/2017 đến Nay	Công ty cổ phần Cấp nước Nghệ An	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Kế toán trưởng

- Tổng số lượng cổ phần có quyền biểu quyết: 5.502.920 cổ phần
- + Số lượng cổ phần do Nhà nước ủy quyền: 5.496.120 cổ phần
- + Cổ phần cá nhân nắm giữ: 6.800 cổ phần

2.2. Những thay đổi trong ban điều hành:

Trong năm 2017, Ban điều hành không có thay đổi về nhân sự.

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên:

- Tổng số lao động đến tại thời điểm 31/12/2017 là 627 người. Trong đó lao động có tên trong danh sách lao động thường xuyên làm việc tại Công ty cổ phần cấp nước Nghệ An là 607 người;

- Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp: Người lao động trong Công ty được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của pháp luật nhà nước hiện hành, lương và các khoản thu nhập ổn định.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: Trong năm 2017 Công ty không có khoản đầu tư lớn.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Công ty không có các công ty con, công ty liên kết.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Tổng giá trị tài sản	1.000đ	796.371.211	790.429.528	99.25
Doanh thu thuần	1.000đ	184.062.275	189.827.881	103.13
Lợi nhuận từ hoạt động	1.000đ	2.775.251	(745.771)	(26.87)

kinh doanh				
Lợi nhuận khác	1.000đ	(35.487)	126.266	355.8
Lợi nhuận trước thuế	1.000đ	2.739.764	(619.505)	(22,61)
Lợi nhuận sau thuế	1.000đ	2.112.709	(619.505)	(29,32)

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	1,22	1,04	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> /Nợ ngắn hạn	Lần	0,98	0,87	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,531	0,528	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,13	1,12	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/HTK BQ	Lần	7,14	8,13	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,23	0,24	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	Lần	0,011	(0,003)	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,006	(0,002)	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	Lần	0,003	(0,001)	
+ Hệ số Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	Lần	0,015	(0,004)	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

5.1. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần của Công ty cổ phần Cấp nước Nghệ An: 37.385.983 cổ phần.
- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 37.385.983 cổ phần.

- Loại cổ phần đang lưu hành: cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: không có

5.2. Cơ cấu cổ đông:

+ Cơ cấu cổ đông tính đến 31/03/2018

STT	Họ và tên	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
I	Cổ đông trong nước	679	37.385.983	100%
	Tổ chức	03	34.265.942	91,65
	Cá nhân	676	3.120.041	8,35
II	Cổ đông nước ngoài	0	0	0
	Tổ chức	0	0	0
	Cá nhân	0	0	0
III	Cổ phiếu quỹ	0	0	0
Tổng cộng		679	37.385.983	100%

+ Cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 31/3/2018

T	Cổ đông	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKDN	Địa chỉ	CP phổ thông	Tỷ lệ sở hữu %
1	UBND tỉnh Nghệ An		3 Trường Thi, Tp. Vinh, Nghệ An	22.900.502	61,25
2	Công ty cổ phần Mía đường Sông Con	2900324917	Khối 5 - TT Tân Kỳ - Huyện Tân Kỳ - Nghệ An	11.335.440	30,32
Tổng cộng				34.235.942	91,57

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Tại thời điểm thực hiện cổ phần hóa thì vốn nhà nước tại Công ty là 295.622.070.000 đồng. Khi Đại hội đồng cổ đông phê duyệt nội dung Điều lệ Công ty vào ngày 30/12/2016, vốn điều lệ Công ty được ghi 295.622.070.000 đồng. Sau khi Nhà máy nước Cầu Bạch được quyết toán thì vốn Nhà nước tại Công ty tăng thêm 78.237.760.000 đồng. Số tiền này được bổ sung vào vốn điều lệ Công ty, tăng phần vốn sở hữu của Nhà Nước. Ngày 13/6/2017 UBND tỉnh có Quyết định số 2536/QĐ-UBND về việc điều chỉnh vốn điều lệ Công ty cổ phần cấp nước Nghệ An tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển sang Công ty cổ phần lên 373.859.830.000 đồng.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

- Trong năm 2017 Công ty không có sự mua bán, giao dịch về cổ phiếu quỹ.

5.5. Các chứng khoán khác:

- Trong năm 2017 Công ty chưa phát hành chứng khoán khác.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của Công ty trong năm 2017 là:

STT	Nguyên vật liệu	Đơn vị	Tổng cộng	
			Khối lượng	Thành tiền (đồng)
1	Phèn nhôm	kg	544.132	2.152.808.738
2	Phèn PAC	kg	98.425	1.115.611.973
3	Clo	kg	28.328	574.219.381
4	Javen	kg	19.150	205.506.520
5	Vôi	kg	2.620	8.727.000
	Tổng		692.655	4.055.873.612

b) Tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của Công ty trong năm 2017: Không có

Năm 2017 sử dụng lại nguồn nước sau súc xả hệ thống tại Nhà máy nước Hưng Vĩnh và Nhà máy nước Cầu Bạch với tỷ lệ khoảng 3% lượng nước thô.

6.2. Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Năng lượng sử dụng là điện

STT	Đối tượng tiêu thụ năng lượng điện	Đơn vị	Tổng cộng	
			Tổng cộng	Thành tiền (đồng)
1	Khu vực khối văn phòng	Kw	95.103	262.540.782
2	Khu vực khối sản xuất, dịch vụ	Kw	5.332.018	9.635.416.160
3	Các Trạm bơm tăng áp	Kw	75.583	118.990.258
	Tổng		5.502.704	10.016.947.200

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Chưa có;

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Chưa có.

6.3. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

STT	Đối tượng nước tiêu thụ	Đơn vị	Tổng cộng		Ghi chú
			Khối lượng	Thành tiền (đồng)	
1	Nước thô mua qua đơn vị cung cấp trực tiếp đến khu xử lý (Nhà máy nước Cầu Bạch & Hưng Vĩnh)	m ³	28.388.719	60.893.804.400	
2	Nước thô khai thác tại Sông, công trình thủy lợi.	m ³	5.851.962	959.751.100	(Trong đó có 1.454.170m ³ mua từ các Công ty thủy lợi)
Tổng			34.240.681	61.853.555.500	

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Năm 2017 chưa có.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- Số lượng lao động năm 2017: 627 người

- Tổng thu nhập bình quân: 6.314.000 đồng/người/tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Trong những năm qua Công ty luôn quan tâm đến các chính sách, chế độ cho người lao động được thể hiện trong Nội quy lao động, Quy chế hoạt động SXKD, Thỏa ước lao động tập thể ..., cụ thể như: Khám sức khỏe định kỳ, trang cấp bảo hộ lao động, chế độ ăn giữa ca cho người lao động. Thực hiện đầy đủ các chế độ ốm đau, thai sản, nghỉ dưỡng sức, chế độ nghỉ ngày Lễ, tết, nghỉ phép theo quy định của pháp luật. Tổ chức tặng quà cho người lao động nhân dịp lễ tết, tặng quà chúc thọ tuổi chẵn cho bố mẹ đẻ và bố mẹ (vợ, chồng) người lao động, tặng quà cho con của CBCNV đạt thành tích cao trong học tập, nhân dịp Tết thiếu nhi ...; trợ cấp cho người lao động gặp hoàn cảnh khó khăn đột xuất trong cuộc sống.

- Công ty đã xây dựng phương án chuyển xếp lương, thang bảng lương và phụ cấp lương theo Nghị định 49/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ, đồng thời xây dựng chính sách lương phù hợp với từng vị trí công việc, làm việc gì hưởng lương theo công việc đó được quy định trong Quy định khoán trả lương.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

Công ty luôn chú trọng đến công tác phát triển nguồn nhân lực, khuyến khích cán bộ CNV học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Cử cán bộ tham gia các lớp đào tạo, tập huấn về chuyên ngành kế toán, kỹ thuật, về công tác an toàn lao

động PCCN, bồi dưỡng nghiệp vụ kỹ năng giao tiếp với khách hàng, huấn luyện dân quan tự vệ an ninh quốc phòng ...

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty luôn tích cực tham gia các hoạt động an sinh xã hội, ủng hộ quỹ hỗ trợ người nghèo, trẻ em khuyết tật, các phong trào đền ơn đáp nghĩa, ủng hộ đồng bào lụt bão và các đợt kêu gọi quyên góp ủng hộ của địa phương.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017:

1.1. Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch:

a. Chỉ tiêu lượng nước thô để sản xuất, nước tiêu thụ và tỷ lệ thất thoát.

- Nước thô để sản xuất: **34.240.681 m³**;
- Nước tiêu thụ: **22.989.969 m³**;
- Tỷ lệ thất thoát toàn Công ty năm 2017: **32,86 %**.

b. Chất lượng nước sạch, thời gian cung cấp nước sạch

- **Chất lượng nước sạch**

Chất lượng nước sau xử lý đảm bảo đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống QCVN 01:2009/BYT ban hành kèm theo Thông tư số 04/2009/TT-BYT ngày 17/6/2009 của Bộ Y tế.

- **Dịch vụ cấp nước**

- Khu vực thành phố Vinh, Xí nghiệp Cấp nước vùng phụ cận Tp.Vinh dịch vụ cấp nước ổn định liên tục 24/24 giờ.

- Các khu vực còn lại dịch vụ cấp nước từ 18-24h/ngày.

c. Hiện trạng khách hàng sử dụng nước, kế hoạch phát triển khách hàng mới, kế hoạch cải tạo, thay thế đồng hồ 2017

- Tổng khách hàng sử dụng nước (tính đến 31/12/2017) là: **111.396** hộ;
- Số lượng phát triển khách hàng trong năm 2017 là: **5.809** hộ;
- Số lượng cải tạo khách hàng trong năm 2017: **1.686** hộ.
- Số lượng thay thế đồng hồ trong năm 2017 là: **3.587** hộ.

d. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017:

Tổng doanh thu:	191.245.930.446 đồng
+ Doanh thu từ cấp nước:	186.950.622.412 đồng
+ Doanh thu từ hoạt động khác:	4.295.308.034 đồng
- Tổng chi phí:	191.865.435.571 đồng
- Lợi nhuận trước thuế:	(619.505.125) đồng

e. Hoạt động sản xuất cấp nước, ghi thu sản phẩm

- Tăng cường công tác kiểm tra chất lượng nước nguồn, nước sau xử lý tại nhà máy và nước sau xử lý tại các hộ dân, trên cơ sở đó để có giải pháp xử lý phù hợp nhằm

nâng cao chất lượng nước, đảm bảo đạt tiêu chuẩn nước sạch theo QCVN01/BYT - 2009 của bộ Y tế quy định;

- Thành lập tổ kiểm tra, đọc đồng hồ, phân tích đánh giá với những khách hàng sử dụng nước từ 0-3m³ để kịp thời ngăn chặn hành vi sử dụng nước bất hợp pháp và kiểm tra hoạt động ghi thu sản phẩm, chất lượng đồng hồ...;

- Hoạt động sản xuất cấp nước đảm bảo liên tục về thời gian cung cấp nước cho khách hàng đầy đủ. Đảm bảo đủ áp lực, lưu lượng cấp nước tới khách hàng sử dụng nước (trừ trường hợp bất khả kháng như mất điện, bão lũ).

- Các Xí nghiệp, đơn vị đã chỉ đạo tổ chức công tác biên đọc đồng hồ đúng lịch trình, thời gian theo quy định. Tổ chức đọc đồng hồ 2 kỳ/tháng để kịp thời xử lý các tình huống sử dụng đột biến và chăm sóc khách hàng;

- Các đơn vị đã đôn đốc nhân viên thu ngân thu tiền kịp thời, nộp tiền đúng thời hạn.

f. Công tác cải tạo mạng đường ống; mở rộng mạng lưới cấp nước; sửa chữa điểm chảy và quản lý mạng lưới cấp nước.

- Công tác cải tạo mạng đường ống : Các tuyến ống cấp nước cũ xuống cấp, xử lý kịp thời những tuyến ống gây thất thoát nước và gây ô nhiễm trong năm 2017 thực hiện cải tạo được **18.451 m** ống đã xuống cấp, mục nát.

- Công tác mở rộng mạng lưới cấp nước đến những vùng chưa có nước sạch theo nhu cầu của khách hàng được chú trọng, trong năm 2017 đã mở rộng mạng lưới cấp nước **20.483 m**.

- Trong năm 2017 đã xảy ra **1.710 điểm chảy** từ hệ thống mạng đường ống, các đơn vị đã tiến hành công tác sửa chữa;

- Hệ thống mạng đường ống đã được quản lý tốt, các sự cố trên hệ thống mạng đường ống đã được xử lý kịp thời. Nghe dò tìm các điểm xì vỡ vào ban đêm (10 giờ đêm đến 03 giờ sáng hôm sau).

1.2. Những tiến bộ công ty đã đạt được:

- Duy trì nước ổn định, đảm bảo chất lượng cho khách hàng

- Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và đổi mới công nghệ trong công tác quản lý cũng như sản xuất. Giúp cho công tác quản trị, quản lý doanh nghiệp được cải thiện theo chiều hướng hiện đại, có chiều sâu và hiệu quả cao (các phần mềm tin học và nhiều sáng kiến cải tiến kỹ thuật nhằm đảm bảo tốt trong công tác sản xuất và cấp nước an toàn)

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%GTCL/N G
1. Tài sản cố định hữu hình	1.073.773.904.265	655.748.319.829	61,07

Nhà cửa và vật kiến trúc	504.738.219.039	361.674.376.234	71,66
Máy móc thiết bị động lực	105.163.815.565	29.966.328.358	28,49
Phương tiện vận tải truyền dẫn	459.059.225.577	261.588.116.367	56,98
Thiết bị, dụng cụ quản lý	572.975.000	371.000.117	64,75
TSCĐ hữu hình khác	4.239.669.084	2.148.498.753	50,68
2. Tài sản cố định vô hình	6.030.610.000	5.915.510.042	98,09
Quyền sử dụng đất lâu dài	5.690.610.000	5.690.610.000	100,00
Phần mềm máy vi tính	340.000.000	224.900.042	66,15
Tài sản cố định	1.079.804.514.265	661.663.829.871	61,28

Công ty không có tài sản xấu ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ:

Tính đến ngày 31/12/2017 Nợ phải trả là 417.189.203.453 đồng, trong đó:

Nợ ngắn hạn: 106.128.001.592 đồng

Nợ dài hạn: 311.061.201.861 đồng

Không có biến động quá lớn về các khoản nợ

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Năm 2017 Công ty đã ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý như: Văn phòng điện tử, phần mềm quản lý nhân sự, phần mềm quản lý khách hàng, phần mềm xây lắp sửa chữa ... Nâng cấp website của công ty để khách hàng dễ dàng tra cứu các thông tin của thông tin và thủ tục lắp đặt nước.

Tiếp tục xây dựng, cải tiến và áp dụng các quy trình vào hoạt động sản xuất, kinh doanh. Ban hành các quy chế nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, tạo cơ chế thuận lợi trong việc thực hiện nhanh các yêu cầu của khách hàng như lắp đặt, sửa chữa ... Ban hành quy định về xử lý trách nhiệm trong công tác thất thu, thất thoát, nhằm nâng cao vai trò, trách nhiệm của cán bộ, công nhân viên trong việc chống thất thu, thất thoát nước sạch.

4. Kế hoạch phát triển sản xuất năm 2018:

a. Chỉ tiêu lượng nước thô để sản xuất, nước tiêu thụ và tỷ lệ thất thoát.

- Nước thô để sản xuất: 36.278.168 m³;

- Nước tiêu thụ: 24.494.300 m³;

- Tỷ lệ thất thoát toàn Công ty 32,48%.

b. Chất lượng nước sạch, thời gian cung cấp nước sạch

- *Chất lượng nước sạch*

Chất lượng nước sau xử lý đảm bảo đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống QCVN 01:2009/BYT ban hành kèm theo Thông tư số 04/2009/TT-BYT ngày 17/6/2009 của Bộ Y tế.

- Dịch vụ cấp nước

- Khu vực thành phố Vinh và vùng phụ cận dịch vụ cấp nước ổn định liên tục 24/24 giờ.

- Các khu vực còn lại dịch vụ cấp nước từ 16-24h/ngày.

c. Hiện trạng khách hàng sử dụng nước, kế hoạch phát triển khách hàng mới, kế hoạch cải tạo, thay thế đồng hồ 2018.

- Tổng khách hàng sử dụng nước (tính đến 31/12/2017) là: **111.396** hộ

- Kế hoạch phát triển khách hàng trong năm 2018 là: **4.510** hộ

- Kế hoạch cải tạo khách hàng trong năm 2018: **1.355** hộ

- Kế hoạch thay thế đồng hồ trong năm 2018 là: **1.803** hộ.

d. Kết quả hoạt động kinh doanh dự kiến năm 2018:

- Tổng doanh thu:	201.451.161.000 đồng
+ Doanh thu từ cấp nước:	199.451.161.000 đồng
+ Doanh thu từ hoạt động khác:	2.000.000.000 đồng
- Tổng chi phí:	201.422.341.792 đồng
- Lợi nhuận sau thuế:	23.055.366 đồng
- Nộp NS Nhà nước:	6.730.000.000 đồng
- Chi trả cổ tức:	16.138.756 đồng

e. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: đồng

Danh mục	Doanh thu	Chi phí	Lợi nhuận (trước thuế)	Nộp ngân sách
+ Doanh thu từ cấp nước	199.451.161.000	199.422.341.792	28.819.208	6.730.000.000
+ Doanh thu từ hoạt động khác (xây lắp)	2.000.000.000	2.000.000.000		
Tổng	201.451.161.000	201.422.341.792	28.819.208	6.730.000.000

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Căn cứ Thông tư 155/2015-BTC ngày 06/10/2015, Công ty cổ phần cấp nước Nghệ An đã công bố thông tin Báo cáo tài chính năm 2017 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY – Chi nhánh Miền Trung trên Ủy

ban chứng khoán Nhà Nước và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với các ý kiến ngoại trừ như sau:

- Chúng tôi không thể chứng kiến kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho, công cụ dụng cụ xuất dùng, tài sản cố định, công trình xây dựng cơ bản dở dang tại thời điểm kết thúc niên độ. Chúng tôi cũng không thực hiện được thủ tục thay thế, vì vậy, chúng tôi không thể khẳng định được số lượng và tình trạng của các khoản mục nêu trên tại thời điểm 31/12/2017. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các khoản mục này hay không.

Công ty chúng tôi xin giải trình như sau: Hàng năm Công ty đều tổ chức kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho, CCDC, TSCĐ và công trình xây dựng cơ bản. Tuy nhiên do đặc thù của Công ty trải rộng trên địa bàn tỉnh Nghệ An và nhiều xí nghiệp, bên cạnh đó các CCDC, tài sản cố định và công trình xây dựng cơ bản của Công ty đặc thù (được ngầm hóa nhiều dưới đất) nên việc kiểm kê gặp nhiều khó khăn trong việc quan sát và đánh giá.

- Tại ngày 31/12/2017, một phần số dư các khoản công nợ phải thu ngắn hạn khác, người mua trả tiền trước ngắn hạn, vay dài hạn chưa được đối chiếu, xác nhận. Chúng tôi cũng không thực hiện được thủ tục thay thế, vì vậy, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh cho các phần số dư này hay không.

Công ty chúng tôi xin giải trình như sau: đối với các khoản công nợ Công ty có quy chế tài chính trong việc quản lý, theo dõi và thu hồi. Cuối mỗi kỳ kế toán Công ty đều thực hiện đối chiếu công nợ với khách hàng và nhà cung cấp. Do đặc thù trong hoạt động kinh doanh của Công ty là các khách hàng nhỏ lẻ (hộ gia đình) chiếm tỷ trọng lớn, nằm rải rác khắp tỉnh Nghệ An nên việc đi đối chiếu công nợ thường mất rất nhiều thời gian. Vì vậy đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán mặc dù Công ty đã triển khai gửi Biên bản đối chiếu đến từng khách hàng và nhà cung cấp nhưng tỷ lệ thu hồi chưa được đầy đủ.

- Tại Báo cáo tài chính năm 2017 Công ty có khoản lỗ 619.505.125 đồng

Công ty chúng tôi xin giải trình như sau:

Thứ nhất: Trong năm 2017 Công ty không đạt được chỉ tiêu sản lượng nước tiêu thụ dẫn đến doanh thu sụt giảm 4.481.069.554 đồng, cụ thể:

+ Doanh thu kế hoạch: 195.727.000.000 đồng

+ Doanh thu thực tế: 191.245.930.446 đồng

Thứ hai: Các chi phí đầu vào tăng lên, cụ thể:

+ Các nguyên vật liệu đầu vào tăng như giá vật tư, giá điện dùng cho sản xuất kinh doanh, giá nhân công tăng.

Thứ ba: Chi phí Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm Y tế, Bảo hiểm thất nghiệp tăng cụ thể: Căn cứ Công văn số 133/BHXH -QLT ngày 22/01/2016 về việc thực hiện tiền lương đóng BHXH, BHYT, BHTN của BHXH tỉnh Nghệ An; Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BHXH; Nghị định số 122/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ quy

định mức lương tối thiểu vùng; Luật BHXH số 58 có hiệu lực từ 01/01/2016; Công văn số 26/LĐXH-BHXH ngày 05/01/2016 của Bộ LĐTBXH về việc triển khai Luật BHXH năm 2014. Công ty CP Cấp nước Nghệ An xây dựng Phương án chuyển xếp hệ số lương cho Cán bộ công nhân viên trong toàn Công ty từ nghị định 205 sang nghị định 49 và được Sở lao động TBXH Tỉnh Nghệ An phê duyệt tại Công văn 2704/LĐTBXH.LĐ ngày 29/08/2017. Vì vậy năm 2017 Công ty hạch toán phần chi phí tăng thêm này vào giá thành 2017 số tiền là: 751.014.121 đồng.

Trên đây là giải trình của Công ty về ý kiến kiểm toán ngoại trừ và khoản lỗ trên Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Công ty đã thực hiện các biện pháp tiết kiệm tối đa nguồn nước, năng lượng tiêu thụ (điện năng) phục vụ sản xuất. Thường xuyên tăng cường công tác kiểm tra chất lượng nước nguồn, nước sau xử lý tại nhà máy và nước sau xử lý tại các hộ dân, trên cơ sở đó để có giải pháp xử lý phù hợp nhằm nâng cao chất lượng nước, đảm bảo đạt tiêu chuẩn nước sạch theo QCVN01/BYT - 2009 của bộ Y tế quy định;

Công ty đặc biệt chú trọng công tác đảm bảo vệ sinh môi trường, cảnh quan nơi làm việc, thường xuyên đôn đốc cán bộ công nhân viên, tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên vệ sinh nơi làm việc đảm bảo môi trường làm việc xanh, sạch, đẹp.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Căn cứ các quy định của pháp luật về lao động, kế hoạch kinh doanh, kết quả kinh doanh dựa trên mức độ hoàn thành và độ phức tạp của công việc, Công ty sẽ có chế độ lương, thưởng thích hợp nhằm khích lệ người lao động, đồng thời đảm bảo đời sống của cán bộ công nhân viên ... Người lao động được hưởng BHXH, BHYT, BHTN theo chế độ chính sách của Nhà nước

Thực hiện trang cấp BHLĐ, huấn luyện ATLĐ theo đúng định kỳ, công tác vệ sinh, an toàn lao động và phòng chống cháy nổ thường xuyên được chú trọng. Thực hiện tốt chế độ nâng lương, nâng bậc, chế độ nghỉ phép hàng năm theo đúng quy định

Thời gian làm việc 7.5 giờ/1 ngày, 7 ngày/1 tuần. Một năm được hưởng số ngày phép theo quy định của pháp luật. Chế độ ốm đau, thai sản và các chế độ khác của người lao động được giải quyết kịp thời đầy đủ. Không ngừng cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động

Hàng năm Công ty tổ chức các lớp tập huấn ngắn hạn để bổ sung kiến thức cho cán bộ công nhân viên về nghiệp vụ.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Công ty luôn chú trọng đến các hoạt động xã hội, an ninh trật tự, an toàn

phòng chống cháy nổ tại địa bàn nơi làm việc, tích cực ủng hộ các đợt kêu gọi của địa phương, ủng hộ các quỹ hỗ trợ trẻ em nghèo khuyết tật, ủng hộ đồng bào lụt bão...

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:

Năm 2017 Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong công tác tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng Hội đồng quản trị đã lãnh đạo toàn công ty vượt qua mọi khó khăn, thách thức để cơ bản hoàn thành kế hoạch đã đề ra.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

Trong năm 2017 Hội đồng quản trị đã lãnh đạo toàn diện các hoạt động của Công ty, quyết định kịp thời các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT. Các thành viên HĐQT đã nêu cao tinh thần trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Về cơ bản các thành viên HĐQT đều thực hiện nhiệm vụ trên cơ sở luật và điều lệ Công ty quy định, có thái độ nghiêm túc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Hội đồng quản trị đã thực hiện giám sát Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý trong việc: Tổ chức thực hiện Nghị quyết đại hội đồng cổ đông, việc triển khai các Nghị quyết, Quyết nghị của Hội đồng quản trị, công tác điều hành hoạt động SXKD của Công ty đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ hoạt động tổ chức của Công ty. Trong quá trình quản lý, giám sát quản lý của Ban Tổng Giám đốc, HĐQT đã lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể; đã kịp thời bổ sung, điều chỉnh một số nội dung công tác quản lý điều hành để tăng tính hiệu quả của công tác quản lý. Giải quyết nhanh các đề xuất của Ban Tổng Giám đốc để triển khai thực hiện kịp thời.

Công tác giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc đã được thực hiện tương đối tốt. Thông qua các kênh thông tin, HĐQT đã sớm nắm bắt, điều chỉnh các hoạt động của Bộ máy điều hành Công ty theo hướng có hiệu quả. Ba trong số năm thành viên HĐQT hoạt động kiêm nhiệm, do vậy việc gắn trách nhiệm của các thành viên HĐQT với chức năng quản lý chuyên môn chặt chẽ hơn.

Kết quả giám sát cho thấy Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý trong Công ty luôn hoàn thành nhiệm vụ được giao với tinh thần trách nhiệm cao nhất đã tổ chức, thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả Nghị quyết đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị vì sự ổn định, bền vững, an toàn của Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2018 được dự báo tình hình sản xuất kinh doanh vẫn còn nhiều khó khăn, để hoàn thành nhiệm vụ năm 2018 Công ty sẽ phải rất nỗ lực phấn đấu và phải có những giải pháp thực hiện rất cụ thể, phù hợp với đặc điểm của Công ty. Hội đồng quản trị đưa ra một số mục tiêu kế hoạch thực hiện trong năm 2018 như sau:

- Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2018.
- Xây dựng giá thành sản phẩm nước sạch, trình UBND tỉnh phê duyệt và ra quyết định áp dụng.
- Phê duyệt bộ Quy chế của Công ty cổ phần bao gồm: Quy chế hoạt động SXKD, Quy chế tài chính và Quy chế phối hợp hoạt động giữa tổ chức Đảng – chuyên môn – công đoàn – đoàn thanh niên.
- Nâng công suất của một số nhà máy để đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch của nhân dân và các khu công nghiệp.

V. Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị:

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Danh sách Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Bá Quý	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Hoàng Văn Hải	Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc
3	Nguyễn Quang Duyên	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
4	Lê Đình Hoan	Thành viên Hội đồng quản trị
5	Đặng Thị Vân Nam	Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng

+ Chủ tịch Hội đồng quản trị: Ông NGUYỄN BÁ QUÝ

Họ và tên: NGUYỄN BÁ QUÝ
 Giới tính: NAM
 Sinh ngày: 2/3/1960
 Nơi sinh: Quỳnh Đôi - Quỳnh Lưu - Nghệ An
 Quốc tịch: Việt Nam
 Hộ khẩu thường trú: Khối 3 - Thị trấn huyện Tân Kỳ - Tỉnh Nghệ An
 Số CMND: 187253456 Ngày cấp 12/7/2010 Nơi cấp: Công an tỉnh Nghệ An
 Điện thoại liên hệ: 0912.187.560
 Trình độ văn hoá: 10/10
 Trình độ chuyên môn: ĐH kỹ thuật công nghiệp Việt Bắc (Cơ khí chế tạo máy)
 Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Nga (trình độ B)
 Chức vụ hiện nay: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Cấp nước Nghệ An
 Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Mía đường Sông Con
 Quá trình công tác:

Quá trình công tác:

Từ tháng/năm đến tháng/năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1960 đến 1966	Quỳnh Đôi - Quỳnh Lưu - Nghệ An	Còn nhỏ - ở với Mẹ
Từ 1966 đến 1970	Nghĩa Đồng 2 - Tân Kỳ - Nghệ An	Học mẫu giáo, cấp 1
Từ 1970 đến 1973	Nghĩa Đồng 1 - Tân Kỳ - Nghệ An	Học cấp 2
Từ 1974 đến 1977	Thị trấn Lạt- Tân Kỳ- Nghệ An.	Học cấp 3
Từ 1977 đến 10/1981	Học Đại học KTCN Việt Bắc ở Lưu Xá – Thái Nguyên	Sinh viên
Từ 1/11/1982 đến 31/3/1993	Xí nghiệp vận tải 500 xe – Tổng công ty Thủy điện Hòa Bình- Hà Sơn Bình,	Kỹ sư
Từ 1/4/1993 đến 30/09/2001	Xí Nghiệp Đường Rượu Sông Con - Huyện Tân Kỳ - Tỉnh Nghệ An	Trưởng phòng Kỹ thuật
Từ 01/10/2001 đến 31/05/2004	Công ty Mía đường Sông Con - Huyện Tân Kỳ - Tỉnh Nghệ An	Phó Giám đốc
Từ 01/06/2004 đến 30/09/2006	Công ty Mía đường Sông Con - Huyện Tân Kỳ - Tỉnh Nghệ An	Giám đốc Công ty
Từ 01/10/2006 đến 04/01/2017	Công ty Mía đường Sông Con - Huyện Tân Kỳ - Tỉnh Nghệ An	Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty
Từ 05/01/2017 - Nay	Chủ tịch HĐQT Công ty Mía đường Sông Con kiêm chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần cấp nước Nghệ An.	

- Tổng số lượng cổ phần có quyền biểu quyết: 0 cổ phần

+ Số lượng cổ phần do Nhà nước ủy quyền: 0 cổ phần

+ Cổ phần cá nhân nắm giữ: 0 cổ phần

- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan: Công ty cổ phần Mía đường Sông Con (Ông Nguyễn Bá Quý là Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Mía đường Sông Con) sở hữu 11.335.440 cổ phần chiếm 38.34% vốn điều lệ.

+ Phó chủ tịch HĐQT – Tổng Giám đốc: Ông HOÀNG VĂN HẢI

Sơ yếu lý lịch đã trình bày tại Mục 2.1 (Phần Ban điều hành) nêu trên.

+ Thành viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc: Ông NGUYỄN QUANG DUYÊN

Sơ yếu lý lịch đã trình bày tại Mục 2.2 (Phần Ban điều hành) nêu trên.

+ Thành viên HĐQT – Kế toán trưởng: Bà ĐẶNG THỊ VÂN NAM

Sơ yếu lý lịch đã trình bày tại Mục 2.6 (Phần Ban điều hành) nêu trên.

+ Thành viên HĐQT: Ông LÊ ĐÌNH HOAN

Họ và tên: **LÊ ĐÌNH HOAN**

Giới tính: **NAM**

Sinh ngày: **4/8/1976**

Nơi sinh: **Hương Phố - Hương Khê - Hà Tĩnh**

Quê quán: **Hương Phố - Hương Khê - Hà Tĩnh**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Hộ khẩu thường trú: **Phường Lê Mao - Thành phố Vinh - Tỉnh Nghệ An**

Số CMND: **182069992 Ngày cấp: 11/11/2002 Nơi cấp: Công an tỉnh**

Nghệ An

Điện thoại liên hệ: **0912.043.606**

Trình độ văn hoá: **12/12**

Trình độ chuyên môn: **Cao đẳng kế toán**

Trình độ ngoại ngữ: **Tiếng Anh (Bằng B)**

Chức vụ hiện nay: **Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Cấp nước Nghệ An**

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: **Giám đốc Công ty cổ phần Mía đường**

Sông Con

Quá trình công tác:

Từ tháng/năm đến tháng/năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1976 đến 1982		Còn nhỏ
Từ 1982 đến 1991	Trường THCS Đông Vĩnh 1 – TP. Vinh – Nghệ Tĩnh	Đi học
Từ 1991 đến 1994	Trường Huỳnh Thúc Kháng – TP. Vinh – NA	Đi học
Từ 1994 đến 1997	Trường Cao đẳng bán công quản trị kinh doanh – Hải Hung	Sinh viên
Từ 1/7/1997 đến 30/9/2001	Công ty cổ phần Mía đường Sông Con	Nhân viên kế hoạch

Từ 01/10/2001 đến 30/10/2006	Công ty cổ phần Mía đường Sông Con	Phó phòng Kế hoạch
Từ 01/11/2006 đến 28/02/2010	Công ty cổ phần mía đường Sông Con	Phó chủ tịch HĐQT, phó Giám đốc
Từ 01/03/2010 đến 04/1/2017	Công ty cổ phần Mía đường Sông Con	Giám đốc
Từ 05/01/2017 - Nay	Giám đốc Công ty cổ phần Mía đường Sông Con kiêm Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Cấp nước Nghệ An.	

- Tổng số lượng cổ phần có quyền biểu quyết: 0 cổ phần
 - + Số lượng cổ phần do Nhà nước ủy quyền: 0 cổ phần
 - + Cổ phần cá nhân nắm giữ: 0 cổ phần
 - Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan: Công ty cổ phần Mía đường Sông Con (Ông Lê Đình Hoan là Giám đốc Công ty cổ phần Mía đường Sông Con) sở hữu 11.335.440 cổ phần chiếm 38.34% vốn điều lệ
- b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị không thành lập các tiểu ban

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Năm 2017 Hội đồng quản trị đã bám sát diễn biến thực tế hoạt động của Công ty, phát huy tối đa nội lực, chỉ đạo Ban điều hành mở rộng hoạt động, ngành nghề tạo việc làm và thu nhập cho người lao động. Hội đồng quản trị đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động, các quy chế nội bộ trong hoạt động quản trị. Các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đều dựa trên sự thống nhất cao của các thành viên. Các thành viên Hội đồng quản trị đã nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ quản trị, hành động vì sự phát triển bền vững của doanh nghiệp và lợi ích của cổ đông.

Hàng tháng HĐQT tổ chức họp thường kỳ để nghe và phê duyệt nội dung Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch SXKD trong tháng qua và thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh trong tháng tới; khi có yêu cầu về công việc thuộc thẩm quyền quyết định, HĐQT họp đột xuất để giải quyết kịp thời. Trong năm HĐQT đã tổ chức họp 12 cuộc họp định kỳ và 10 cuộc họp đột xuất. Các cuộc họp được triệu tập đúng với quy định của điều lệ; có sự tham gia dự họp của Ban kiểm soát đầy đủ. Các quyết định thông qua tại phiên họp đều thống nhất ý kiến 100% của các thành viên tham dự, đảm bảo chất lượng, nội dung.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

- Không có

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có.

2. Ban Kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Danh sách và sơ yếu lý lịch của Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Võ Thị Thìn	Trưởng Ban kiểm soát
2	Trần Thị Lan Anh	Thành viên Ban kiểm soát
3	Hoàng Thị Trang	Thành viên Ban kiểm soát

2.1. Trưởng Ban kiểm soát: Bà VÕ THỊ THÌN

Họ và tên: **VÕ THỊ THÌN**
Giới tính: **Nữ**
Sinh ngày: **02/02/1976**
Nơi sinh: **Thạch Giám - Huyện Tương Dương- tỉnh Nghệ An**
Quê quán: **Thạch Giám - Huyện Tương Dương- tỉnh Nghệ An**
Quốc tịch: **Việt Nam**
Hộ khẩu thường trú: **Khôi Hoà Trung – TT.Hoà Bình – Huyện Tương Dương – Nghệ An**
Số CMND: **182342394** Ngày cấp: **13/02/2012** Nơi cấp: **Công an NA**
Điện thoại liên hệ: **0915226778**
Trình độ văn hoá: **12/12**
Trình độ chuyên môn: **Đại học (Cử nhân kế toán)**
Trình độ ngoại ngữ: **Tiếng Anh (Bằng B)**
Chức vụ hiện nay: **Trưởng Ban kiểm soát**
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
Quá trình công tác:

Từ tháng/năm đến tháng/năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1976 đến 1981		Còn nhỏ
Từ 1982 đến 1995		Học sinh
Từ 1996 – 5/1998	Trường Trung học kinh tế Nghệ An	Học sinh
Từ 9/1998 đến 4/2003	Trường Mầm non xã Tam Thái - Tương Dương - Nghệ An	Kế toán
Từ 5/2003 đến 8/2005	Trường THCS Tam Đình - Tương Dương - Nghệ An	Kế toán
Từ 9/2005 đến 5/2012	Phòng tài vụ UBND huyện Tương Dương	Cán bộ kho Quỹ
Từ 6/2012 đến 04/01/2017	Phòng tài vụ Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An	Kế toán vật tư
Từ 05/01/2017 đến Nay	Công ty cổ phần Cấp nước Nghệ An	Trưởng Ban kiểm soát

- Tổng số lượng cổ phần có quyền biểu quyết: 41.700 cổ phần
- + Số lượng cổ phần do Nhà nước ủy quyền:
- + Cổ phần cá nhân nắm giữ: 41.700 cổ phần

2.2. Thành viên Ban kiểm soát: Bà TRẦN THỊ LAN ANH

Họ và tên: **TRẦN THỊ LAN ANH**
 Giới tính: **Nữ**
 Sinh ngày: **15/11/1986**
 Nơi sinh: **Đà Sơn - Đô Lương - Nghệ An**
 Quê quán: **Đà Sơn - Đô Lương - Nghệ An**
 Quốc tịch: **Việt Nam**
 Hộ khẩu thường trú: **Thị trấn huyện Đô Lương - tỉnh Nghệ An**
 Số CMND: **186381454** Ngày cấp : **14/1/2004** Nơi cấp: **Công an tỉnh Nghệ An**
 Điện thoại liên hệ: **01696388268**
 Trình độ văn hoá: **12/12**
 Trình độ chuyên môn: **Đại học Thương mại (Cử nhân kế toán)**
 Trình độ ngoại ngữ: **Tiếng Anh (Bằng B)**
 Chức vụ hiện nay: **Thành viên Ban kiểm soát**
 Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: **Phó phòng Kế toán Công ty cổ phần Mía đường Sông Con Nghệ An**
 Quá trình công tác:

Từ tháng/năm đến tháng/năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1986 đến 1991		Còn nhỏ
Từ 1991 đến 1995	Trường Tiểu học Đà Sơn- Đô Lương	Học sinh
Từ 1995 đến 1999	Trường chuyên Lý Nhật Quang- Đô Lương	Học sinh
Từ 2000 đến 2004	Học THPT tại trường Đô Lương I	Học sinh
Từ 2004 đến 2009	Trường Đại học thương mại- Hà Nội.	Sinh viên
Từ 1/11/2009 đến 27/12/2016	Công ty CP Mía đường Sông Con NA - Huyện Tân Kỳ - Tỉnh Nghệ An	Kế toán viên
Từ 01/08/2016 đến 04/1/2017	Công ty cổ phần Mía đường Sông Con Nghệ An	Phó phòng kế toán
Từ ngày 05/01/2017 đến Nay	Phó phòng kế toán Công ty cổ phần Mía đường Sông Con kiêm thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Cấp nước Nghệ An	

- Tổng số lượng cổ phần có quyền biểu quyết: Không
- + Số lượng cổ phần do Nhà nước ủy quyền: Không
- + Cổ phần cá nhân nắm giữ: Không

2.3. Thành viên Ban kiểm soát: Bà HOÀNG THỊ TRANG

Họ và tên: **HOÀNG THỊ TRANG**
 Giới tính: **Nữ**
 Sinh ngày: **19/05/1990**
 Nơi sinh: **Xóm 5 - Thái Sơn - Đô Lương - Nghệ An**
 Quê quán: **Xóm 5 - Thái Sơn - Đô Lương - Nghệ An**
 Quốc tịch: **Việt Nam**
 Hộ khẩu thường trú: **Xóm 5 - Thái Sơn - Đô Lương - Nghệ An**
 Số CMND: **186977777 Ngày cấp : 26/08/2011 Nơi cấp: Công an NA**
 Điện thoại liên hệ: **0973.308.777**
 Trình độ văn hoá: **12/12**
 Trình độ chuyên môn: **Đại học (Cử nhân Tài chính ngân hàng)**
 Trình độ ngoại ngữ: **Tiếng Anh (Bằng C)**
 Chức vụ hiện nay: **Thành viên Ban kiểm soát, kiêm Kế toán Xí nghiệp xây lắp chống thất thoát nước Công ty cổ phần Cấp nước Nghệ An**
 Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 Quá trình công tác:

Từ tháng/năm đến tháng/năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1990 đến 1996		Còn nhỏ
Từ 1996 đến 2008		Học sinh
Từ 2008 đến 2012	Trường ĐH Vinh	Sinh viên
Từ 10/2012 đến 04/01/2017	Xí nghiệp xây lắp nước - Công ty TNHH MTV cấp nước Nghệ An	Kế toán
Từ 05/01/2017 đến Nay	Thành viên Ban Kiểm soát kiêm Kế toán Xí nghiệp xây lắp chống thất thoát nước - Công ty cổ phần cấp nước Nghệ An	

- Tổng số lượng cổ phần có quyền biểu quyết: 5.200 cổ phần
- + Số lượng cổ phần do Nhà nước ủy quyền: Không
- + Cổ phần cá nhân nắm giữ: 5.200 cổ phần

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, giám sát việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc theo luật doanh nghiệp và Điều

lệ của Công ty. Xem xét tính phù hợp các quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý.

- Kiểm tra trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty, phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng và năm, đảm bảo tính trung thực trong việc ghi chép, cập nhật chứng từ, sổ sách kế toán.
- Kiểm soát hoạt động thu, chi tài chính Công ty.
- Theo dõi và kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Tham gia tất cả các phiên họp của Hội đồng quản trị.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban Kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm và tạo điều kiện thuận lợi từ Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc cũng như các phòng , đơn vị, xí nghiệp để Ban Kiểm soát hoàn thành hiện nhiệm vụ mà được Đại hội đồng cổ đông giao.

Trong năm qua, Ban kiểm soát đã thực hiện những cuộc họp như sau:

- Cuộc họp ngày 30/12/2016 với nội dung bầu chức danh trưởng Ban Kiểm soát
- Cuộc họp ngày 09/02/2017 với nội dung thông qua dự thảo quy chế hoạt động của ban kiểm soát và phân công nhiệm vụ thành viên Kiểm soát viên nhiệm kỳ (2017 – 2021)
- Cuộc họp ngày 10/02/2017 với nội dung xử lý đơn thư của cổ đông phản ánh về vấn đề tài chính Công ty.
- Cuộc họp ngày 14/6/2017 với nội dung kiểm tra , kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động tài chính 6 tháng đầu năm của Công ty.
- Cuộc họp ngày 10/8/2017 Về việc xác minh đơn thư của Cổ đông phản ánh về vấn đề tài chính Công ty.
- Cuộc họp ngày 29/12/2017 Ban kiểm soát họp thống nhất kế hoạch triển khai Công tác năm 2018 và kế hoạch thẩm định báo cáo sản xuất kinh doanh, báo cáo quyết toán tài chính năm 2017 và báo cáo đánh giá Công tác quản lý, điều hành công ty năm 2017 của Hội đồng quản trị để trình đại hội đồng Cổ đông thường niên.

Ngoài các cuộc họp trực tiếp Ban Kiểm soát thường xuyên liên lạc trao đổi thông tin và đưa ra các giải pháp cụ thể trong việc thực hiện nhiệm vụ, nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- Tổng lương Trưởng ban kiểm soát năm 2017: **110.886.491** đồng
- Thù lao Hội đồng quản trị, thành viên ban kiểm soát năm 2017: **263.855.707** đồng

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Trong năm 2017, Công ty không phát sinh giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: - Không có

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: - Không có

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán:

Đơn vị kiểm toán: Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn UHY – Chi nhánh Miền Trung

Địa chỉ: Phòng 1301 – Chung cư tháp đôi dầu khí, Số 7 Đường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 0383 848 810

Fax: 0383 560 040

- Ý kiến của Kiểm toán độc lập:

- Chúng tôi không thể chứng kiến kê tiền mặt, hàng tồn kho, công cụ dụng cụ xuất dùng, tài sản cố định, công trình xây dựng cơ bản dở dang tại thời điểm kết thúc niên độ. Chúng tôi cũng không thực hiện được thủ tục thay thế, vì vậy, chúng tôi không thể khẳng định được số lượng và tình trạng của các khoản mục nêu trên tại thời điểm 31/12/2017. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các khoản mục này hay không.

- Tại ngày 31/12/2017, một phần số dư các khoản công nợ phải thu ngắn hạn khác, người mua trả tiền trước ngắn hạn, vay dài hạn chưa được đối chiếu, xác nhận. Chúng tôi cũng không thực hiện được thủ tục thay thế, vì vậy, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh cho các phần số dư này hay không.

2. Báo cáo tài chính năm 2017 được kiểm toán đã được nộp cho UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY TỔNG GIÁM ĐỐC


Hoàng Văn Hải